

## QUY TẮC TRỌNG TÀI CỦA TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ SINGAPORE\*

### QUY TẮC SIAC (TÁI BẢN LẦN THỨ 6, NGÀY 1 THÁNG 8 NĂM 2016)

#### 1. Phạm vi Áp dụng và Giải thích

- 1.1 Nếu các bên đã thỏa thuận đưa các vụ tranh chấp ra xét xử trọng tài tại SIAC hoặc xét xử trọng tài theo Quy tắc SIAC, thì các bên xem như đã đồng ý rằng việc tổ tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo bộ Quy tắc này và do SIAC quản lý theo bộ Quy tắc này.
- 1.2 Bộ Quy tắc này sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2016 và sẽ được áp dụng cho việc tổ tụng trọng tài được bắt đầu từ ngày đó nếu các bên không có thỏa thuận khác.
- 1.3 Trong bộ Quy tắc này:

"Phán quyết" bao gồm cả phán quyết một phần, phán quyết tạm thời hoặc phán quyết cuối cùng và phán quyết của Trọng tài viên Khẩn cấp;

"Ủy ban của Tòa" nghĩa là một ủy ban gồm ít nhất hai thành viên của Tòa và do Chánh Tòa chỉ định (mà có thể bao gồm cả Chánh Tòa);

"Tòa" nghĩa là Tòa Trọng tài của SIAC và bao gồm cả một Ủy ban của Tòa;

"Trọng tài viên Khẩn cấp" nghĩa là một trọng tài viên được chỉ định theo mục 3 của Phụ lục 1;

"Tài liệu Hướng dẫn Thực hiện" nghĩa là các hướng dẫn do Tổng Thư ký ban hành tại từng thời điểm để bổ sung, điều chỉnh và thực hiện bộ Quy tắc này;

"Chánh Tòa" nghĩa là Chánh Tòa và kể cả bất kỳ Phó Chánh Tòa nào và Tổng Thư ký;

"Tổng Thư ký" nghĩa là Tổng Thư ký của Tòa và kể cả bất kỳ Phó Tổng Thư ký nào;

"Quy tắc" nghĩa là các Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Tái bản lần thứ 6, ngày 1 tháng 8 năm 2016);

---

#### Chú ý:

\* Bản Quy tắc bằng tiếng Việt này là bản dịch và chỉ mang tính tham khảo. Bản tiếng Anh là bản gốc và sẽ có giá trị pháp lý. Vì thế, trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc khác biệt giữa hai bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được lấy làm căn cứ.

\* Biểu Phí của Trung Tâm Trọng tài Quốc tế Singapore được đính kèm phía cuối Bản Quy tắc này.

"SIAC" nghĩa là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore; và

"Hội đồng Trọng tài" bao gồm một trọng tài viên duy nhất hoặc tất cả các trọng tài viên nếu có nhiều trọng tài viên được chỉ định.

Một đại từ trong bộ Quy tắc này được hiểu là bao gồm tất cả các giới tính. Danh từ số ít được hiểu là đề cập tới số nhiều trong trường hợp thích hợp.

## **2. Thông báo và Tính Thời hạn**

- 2.1 Vì các mục đích của bộ Quy tắc này, mọi thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị sẽ được lập thành văn bản. Một thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị như vậy có thể được giao tay, bằng thư bảo đảm hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc chuyển dưới hình thức thông tin liên lạc điện tử (kể cả thư điện tử và fax), hoặc được giao bằng các phương tiện thích hợp khác có ghi nhận việc giao. Một thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị sẽ được xem như đã nhận được nếu được chuyển: (i) trực tiếp cho người nhận hoặc cho đại diện theo ủy quyền của người nhận; (ii) tới nơi ở thường trú, địa điểm kinh doanh hoặc địa chỉ được chỉ định của người nhận; (iii) tới địa chỉ được các bên thỏa thuận; (iv) theo thông lệ của các bên trong các giao dịch trước đó; hoặc (v) nếu, sau khi đã nỗ lực một cách hợp lý, không thể tìm thấy các địa chỉ trên, thì tại nơi cư trú hoặc địa điểm kinh doanh cuối cùng được biết của người nhận.
- 2.2 Một thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị sẽ được xem như đã nhận được vào ngày giao theo Quy tắc 2.1.
- 2.3 Vì mục đích tính thời hạn theo bộ Quy tắc này, thời hạn đó sẽ được tính từ ngày tiếp theo ngày được xem là đã nhận được thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị. Nếu Tổng Thư ký hoặc Hội đồng Trọng tài không có quyết định khác, một thời hạn theo bộ Quy tắc này sẽ được tính theo Thời gian Tiêu chuẩn Singapore (GMT+8).
- 2.4 Những ngày không phải là ngày làm việc tại nơi nhận sẽ được tính vào thời hạn theo bộ Quy tắc này. Nếu ngày cuối cùng của một thời hạn theo bộ Quy tắc này không phải là ngày làm việc tại nơi nhận theo Quy tắc 2.1, thì thời hạn được kéo dài cho tới ngày làm việc đầu tiên tiếp theo.
- 2.5 Các bên sẽ nộp cho Tổng Thư ký một bản sao thông báo, văn thư giao dịch hoặc đề nghị về thủ tục tố tụng trọng tài.
- 2.6 Trừ khi được quy định tại bộ Quy tắc này, Tổng Thư ký có thể kéo dài hoặc rút ngắn các thời hạn được quy định trong bộ Quy tắc này tại bất kỳ một thời điểm nào.

### 3. Thông báo Trọng tài

3.1 Một bên muốn bắt đầu tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này ("Nguyên đơn") sẽ nộp cho Tổng Thư ký Thông báo Trọng tài bao gồm:

- a. yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra tố tụng trọng tài;
- b. tên, các địa chỉ, các số điện thoại, các số fax và các địa chỉ thư điện tử, nếu biết, của các bên tham gia tố tụng trọng tài và những người đại diện của các bên, nếu có;
- c. dẫn chiếu tới thỏa thuận trọng tài có liên quan và một bản sao thỏa thuận trọng tài đó;
- d. dẫn chiếu tới hợp đồng hoặc các văn kiện khác (ví dụ như hiệp định đầu tư) có phát sinh vụ tranh chấp hoặc có liên quan tới vụ tranh chấp và, nếu có thể, một bản sao hợp đồng hoặc văn kiện đó;
- e. bản trình bày tóm tắt mô tả tính chất và các tình tiết của vụ tranh chấp, nêu rõ biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu và, nếu có thể, xác định sơ bộ số tiền khiếu nại;
- f. bản trình bày về các vấn đề đã được các bên thỏa thuận trước đó về việc tiến hành trọng tài hoặc đối với các vấn đề đó Nguyên đơn muốn đưa ra đề nghị;
- g. đề nghị số lượng trọng tài viên nếu không được quy định trong thỏa thuận trọng tài;
- h. trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc đề cử một trọng tài viên nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba trọng tài viên, hoặc đề nghị một trọng tài viên duy nhất nếu thỏa thuận trọng tài quy định trọng tài viên duy nhất;
- i. ý kiến về quy tắc pháp luật được áp dụng;
- j. ý kiến về ngôn ngữ trọng tài; và
- k. nộp phí nộp đơn kiện cần thiết theo bộ Quy tắc này.

3.2 Thông báo Trọng tài cũng có thể bao gồm cả Bản Trình bày Khiếu nại nêu tại Quy tắc 20.2.

3.3 Ngày Tổng Thư ký nhận Thông báo Trọng tài đầy đủ sẽ được xem là ngày bắt đầu tố tụng trọng tài. Để tránh hiểu nhầm, Thông báo Trọng tài được xem là đầy

đủ khi tất cả mọi yêu cầu của Quy tắc 3.1 và Quy tắc 6.1(b) (nếu áp dụng) được thực hiện hoặc khi Tổng Thư ký xác định là các yêu cầu về cơ bản đã được tuân thủ. SIAC sẽ thông báo cho các bên về việc bắt đầu tố tụng trọng tài.

- 3.4 Đồng thời với việc nộp Thông báo Trọng tài cho Tổng Thư ký, Nguyên đơn gửi một bản sao Thông báo Trọng tài cho Bị đơn, và thông báo cho Tổng Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu cụ thể phương thức gửi được sử dụng và ngày gửi.

#### **4. Trả lời Thông báo Trọng tài**

- 4.1 Bị đơn sẽ nộp Bản Trả lời cho Tổng Thư ký trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được Thông báo Trọng tài. Bản Trả lời bao gồm:

- a. xác nhận hoặc bác bỏ toàn bộ hoặc một phần các khiếu nại, bao gồm cả, nếu có thể, bất kỳ sự biện hộ nào rằng Hội đồng Trọng tài không có quyền tài phán;
- b. trình bày tóm tắt mô tả tính chất và các tình tiết của việc khiếu nại ngược lại, nêu rõ biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu và, nếu có thể, xác định sơ bộ số tiền khiếu nại ngược lại;
- c. ý kiến trả lời các nội dung trình bày trong Thông báo Trọng tài theo Quy tắc 3.1 hoặc ý kiến đối với các vấn đề quy định trong Quy tắc đó;
- d. trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc đề cử một trọng tài viên nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba trọng tài viên, hoặc nếu thỏa thuận trọng tài quy định trọng tài viên duy nhất, ý kiến đối với đề nghị của Nguyên đơn về một trọng tài viên duy nhất hoặc một đề nghị đối lại; và
- e. việc nộp phí nộp đơn kiện cần thiết theo bộ Quy tắc này đối với khiếu nại ngược lại.

- 4.2 Bị đơn có thể đưa vào Bản Biện hộ và Bản Trình bày Khiếu nại Ngược lại, như nêu tại Quy tắc 20.3 và 20.4.

- 4.3 Đồng thời với việc gửi Bản Trả lời cho Tổng Thư ký, Bị đơn gửi bản sao Bản Trả lời cho Nguyên đơn, và thông báo cho Tổng Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu cụ thể phương thức gửi được sử dụng và ngày gửi.

#### **5. Thủ tục Khẩn trương**

- 5.1 Trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài, một bên có thể nộp lên Tổng Thư ký một bản đề nghị tiến hành thủ tục tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương theo bộ Quy tắc này, với điều kiện một trong các tiêu chí sau được thỏa mãn:

- a. số tiền tranh chấp không vượt quá số tiền tương đương 6.000.000 đô la Singapore, là tổng số tiền khiếu nại, khiếu nại ngược lại và biện hộ bù trừ;
- b. các bên thỏa thuận như vậy; hoặc
- c. trong trường hợp cấp bách ngoại lệ.

Đồng thời với việc nộp lên Tổng Thư ký một bản đề nghị tiến hành thủ tục tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương, Bên đề nghị tiến hành thủ tục tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương theo Quy tắc 5.1 này gửi bản sao của đề nghị đó cho bên còn lại và thông báo cho Tổng Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu cụ thể phương thức gửi được sử dụng và ngày gửi.

5.2 Khi một bên đã nộp bản đề nghị lên Tổng Thư ký theo Quy tắc 5.1, và khi Chánh Tòa quyết định sau khi xem xét ý kiến của các bên, và đã xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp, rằng thủ tục tố tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo Thủ tục Khẩn trương, thì thủ tục sau sẽ được áp dụng:

- a. Tổng Thư ký có thể rút ngắn các thời hạn theo bộ Quy tắc này;
- b. Vụ tranh chấp sẽ được chuyển cho trọng tài viên duy nhất, trừ khi Chánh Tòa có quyết định khác;
- c. Tổng Thư ký có thể bàn bạc với các bên để quyết định vụ tranh chấp sẽ được quyết định chỉ trên cơ sở chứng cứ hồ sơ, hay cần một phiên họp giải quyết vụ tranh chấp để kiểm tra người làm chứng và người làm chứng là chuyên gia cũng như để lập luận bằng lời nói;
- d. Phán quyết cuối cùng sẽ được đưa ra trong vòng sáu tháng kể từ ngày thành lập Hội đồng Trọng tài trừ khi, trong trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký kéo dài thời gian để đưa ra Phán quyết cuối cùng đó; và
- e. Hội đồng Trọng tài có thể nêu các lý do làm căn cứ cho Phán quyết cuối cùng theo mẫu tóm tắt, trừ khi các bên thỏa thuận không đưa ra lý do.

5.3 Bằng việc đồng ý tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này, các bên nhất trí rằng, nếu các thủ tục tố tụng trọng tài được tiến hành theo Thủ tục Khẩn trương theo Quy tắc 5 này, thì các quy tắc và thủ tục nêu tại Quy tắc 5.2 sẽ áp dụng kể cả trong các trường hợp thỏa thuận trọng tài quy định các điều khoản trái ngược.

5.4 Ngay khi một bên nộp lên Hội đồng Trọng tài bản đề nghị tiến hành thủ tục tố tụng trọng tài, và sau khi Hội đồng Trọng tài đã cho các bên cơ hội họp giải quyết

vụ tranh chấp, bằng việc xét đến bất kỳ thông tin nào khác có thể được cung cấp sau đó, và với sự bàn bạc cùng Tổng Thư ký, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu sẽ không tiến hành các thủ tục tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương nữa. Trường hợp Hội đồng Trọng tài quyết định việc áp dụng theo Quy tắc 5.4 này, thì việc tố tụng trọng tài sẽ tiếp tục được tiến hành bởi chính Hội đồng Trọng tài đã được thành lập để tiến hành tố tụng trọng tài theo Thủ tục Khẩn trương.

## **6. Tranh chấp liên quan đến nhiều Hợp đồng**

6.1 Trường hợp tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan tới hai hợp đồng trở lên, thì Nguyên đơn có thể:

- a. nộp Thông báo Trọng tài cho mỗi thỏa thuận trọng tài có liên quan đồng thời nộp một bản đề nghị hợp nhất các vụ tố tụng trọng tài theo Quy tắc 8.1; hoặc
- b. nộp một Thông báo Trọng tài duy nhất cho tất cả các thỏa thuận trọng tài có liên quan bao gồm cả một bản trình bày nêu rõ mỗi hợp đồng và thỏa thuận trọng tài có liên quan và một bản mô tả việc đáp ứng các tiêu chuẩn áp dụng theo Quy tắc 8.1. Nguyên đơn sẽ được coi là đã bắt đầu nhiều vụ tố tụng trọng tài, mỗi vụ tố tụng trọng tài cho một thỏa thuận trọng tài có liên quan, và Thông báo Trọng tài theo Quy tắc 6.1(b) này sẽ được coi là một đề nghị hợp nhất toàn bộ các vụ tố tụng trọng tài đó theo Quy tắc 8.1.

6.2 Trường hợp Nguyên đơn nộp từ hai Thông báo Trọng tài trở lên theo Quy tắc 6.1(a), thì Tổng Thư ký sẽ nhận thanh toán một khoản phí nộp đơn kiện duy nhất theo bộ Quy tắc này cho toàn bộ các vụ tố tụng trọng tài được yêu cầu hợp nhất. Nếu Tòa từ chối toàn bộ hoặc một phần đề nghị hợp nhất, thì Nguyên đơn sẽ phải thanh toán phí nộp đơn kiện cần thiết theo bộ Quy tắc này cho từng vụ tố tụng trọng tài không được hợp nhất.

6.3 Nếu Nguyên đơn nộp một Thông báo Trọng tài duy nhất theo Quy tắc 6.1(b) và Tòa từ chối toàn bộ hoặc một phần đề nghị hợp nhất, thì Nguyên đơn sẽ nộp một Thông báo Trọng tài cho mỗi vụ tố tụng trọng tài không được hợp nhất, và Nguyên đơn sẽ phải thanh toán phí nộp đơn kiện cần thiết theo bộ Quy tắc này cho từng vụ tố tụng trọng tài không được hợp nhất.

## **7. Kết hợp Thêm các Bên Bổ sung Tham gia vào Tố tụng Trọng tài**

7.1 Trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài, một bên tố tụng trọng tài hoặc một bên không tham gia tố tụng trọng tài có thể nộp lên Tổng Thư ký một bản đề nghị có thêm một hoặc hai bên nữa trở lên được tham gia vào tố tụng trọng tài đang diễn

ra theo bộ Quy tắc này với tư cách là Nguyên đơn hoặc Bị đơn, với điều kiện phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a. bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài đương nhiên chịu ràng buộc theo thỏa thuận trọng tài; hoặc
- b. các bên, bao gồm cả bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài, nhất trí với việc kết hợp thêm bên bổ sung vào tố tụng trọng tài.

7.2 Bản đề nghị kết hợp thêm bên bổ sung vào tố tụng trọng tài theo Quy tắc 7.1 sẽ bao gồm các nội dung sau đây:

- a. số tham chiếu của vụ tố tụng trọng tài đang diễn ra;
- b. tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử, nếu đã được thông báo, của tất cả các bên, bao gồm cả bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài, và các đại diện của mỗi bên, nếu có, và bất kỳ trọng tài viên nào được đề cử hoặc chỉ định trong vụ tố tụng trọng tài đang diễn ra;
- c. bên bổ sung sẽ được tham gia vào tố tụng trọng tài với tư cách là Nguyên đơn hay Bị đơn;
- d. các thông tin nêu tại Quy tắc 3.1(c) và Quy tắc 3.1(d);
- e. trường hợp đề nghị được đưa ra theo Quy tắc 7.1(b), thì nêu rõ thỏa thuận nhất trí có liên quan và, nếu có thể, cung cấp một bản sao của thỏa thuận nhất trí đó; và
- f. một bản trình bày tóm tắt các sự việc và cơ sở pháp lý của bản đề nghị.

Bản đề nghị kết hợp thêm bên bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài được coi là hoàn thành khi tất cả các yêu cầu của Quy tắc 7.2 này được thực hiện hoặc khi Tổng Thư ký xác định rằng về cơ bản các yêu cầu của Quy tắc 7.2 này đã được tuân thủ. SIAC sẽ thông báo cho tất cả các bên, bao gồm cả bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài, khi hoàn thành bản đề nghị kết hợp thêm bên bổ sung.

7.3 Đồng thời với việc nộp bản đề nghị kết hợp lên Tổng Thư ký, bên tố tụng trọng tài hoặc bên không tham gia tố tụng trọng tài đưa ra đề nghị kết hợp theo Quy tắc 7.1 phải gửi một bản sao đề nghị kết hợp đó cho tất cả các bên, kể cả bên bổ sung sẽ được kết hợp vào việc tham gia tố tụng trọng tài, và thông báo cho Tổng

Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu cụ thể phương thức gửi được sử dụng và ngày gửi.

- 7.4 Sau khi cân nhắc các quan điểm của tất cả các bên, kể cả bên bổ sung sẽ được kết hợp vào việc tham gia tố tụng trọng tài, và có xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp, Tòa sẽ quyết định việc chấp thuận toàn bộ hoặc một phần bản đề nghị kết hợp thêm bên bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài theo Quy tắc 7.1. Quyết định của Tòa về việc chấp thuận bản đề nghị kết hợp theo Quy tắc 7.4 này không phương hại tới quyền hạn của Hội đồng Trọng tài trong việc đưa ra quyết định sau đó đối với bất kỳ vấn đề nào về thẩm quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài phát sinh từ quyết định đó. Quyết định của Tòa về việc bác bỏ toàn bộ hoặc một phần của bản đề nghị kết hợp theo Quy tắc 7.4 này không phương hại tới quyền của một bên tham gia tố tụng trọng tài hoặc một bên không tham gia tố tụng trọng tài trong việc đề nghị Hội đồng Trọng tài cho phép kết hợp theo Quy tắc 7.8.
- 7.5 Nếu đề nghị kết hợp được chấp thuận theo Quy tắc 7.4, thì ngày hoàn thành đề nghị kết hợp sẽ được coi là ngày bắt đầu tố tụng trọng tài đối với bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài.
- 7.6 Nếu đề nghị kết hợp được chấp thuận theo Quy tắc 7.4, thì Tòa có thể hủy bỏ việc chỉ định trọng tài viên đã được chỉ định trước khi có quyết định về việc kết hợp. Trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên, bao gồm cả bên bổ sung được kết hợp tham gia vào tố tụng trọng tài, các Quy tắc từ 9 đến 12 sẽ áp dụng một cách phù hợp, và thời hạn tương ứng theo các Quy tắc đó sẽ tính từ ngày nhận được quyết định của Tòa theo Quy tắc 7.4.
- 7.7 Việc Tòa quyết định hủy bỏ chỉ định trọng tài viên theo Quy tắc 7.6 không phương hại tới giá trị hiệu lực của hành động hay lệnh hoặc Phán quyết của trọng tài viên đó trước khi việc chỉ định trọng tài viên đó bị hủy bỏ.
- 7.8 Sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, một bên tố tụng trọng tài hoặc bên không tham gia tố tụng trọng tài có thể đề nghị lên Hội đồng Trọng tài việc bổ sung thêm một hoặc nhiều bên kết hợp vào tố tụng trọng tài đang diễn ra theo bộ Quy tắc này với tư cách là một Nguyên đơn hoặc Bị đơn, với điều kiện các tiêu chuẩn sau đây phải được đáp ứng:
- a. bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài đương nhiên chịu ràng buộc theo thỏa thuận trọng tài; hoặc
  - b. các bên, bao gồm cả bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài, nhất trí với việc kết hợp thêm bên bổ sung vào tố tụng trọng tài.



Nếu phù hợp, có thể nộp cho Tổng Thư ký một đề nghị lên Hội đồng Trọng tài theo Quy tắc 7.8 này.

- 7.9 Tùy thuộc vào chi tiết cụ thể của Hội đồng Trọng tài, các quy định của Quy tắc 7.2 sẽ được áp dụng với sự điều chỉnh phù hợp cho việc đề nghị kết hợp bên bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài theo Quy tắc 7.8.
- 7.10 Sau khi Hội đồng Trọng tài đã cho các bên, kể cả bên bổ sung sẽ được kết hợp vào việc tham gia tố tụng trọng tài, cơ hội hợp giải quyết vụ tranh chấp, và có xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định việc chấp thuận toàn bộ hoặc một phần bản đề nghị kết hợp thêm bên bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài theo Quy tắc 7.8. Quyết định của Hội đồng Trọng tài về việc chấp thuận bản đề nghị kết hợp theo Quy tắc 7.10 này không phương hại tới quyền hạn của Hội đồng Trọng tài trong việc đưa ra quyết định sau đó đối với bất kỳ vấn đề nào về thẩm quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài phát sinh từ quyết định đó.
- 7.11 Nếu đề nghị kết hợp được chấp thuận theo Quy tắc 7.10, thì ngày Hội đồng Trọng tài hoặc Tổng Thư ký nhận được bản đề nghị hoàn chỉnh về việc kết hợp đó sẽ được coi là ngày bắt đầu tố tụng trọng tài đối với bên được bổ sung tham gia vào tố tụng trọng tài.
- 7.12 Nếu đề nghị kết hợp được chấp thuận theo Quy tắc 7.4 hoặc 7.10, thì bên không đề cử trọng tài viên hoặc không tham gia vào việc thành lập Hội đồng Trọng tài sẽ được xem là đã từ bỏ quyền của mình trong việc đề cử trọng tài viên hoặc tham gia thành lập Hội đồng Trọng tài, mà không làm phương hại tới quyền của bên đó trong việc không thừa nhận trọng tài viên theo Quy tắc 14.
- 7.13 Nếu đề nghị kết hợp được chấp thuận theo Quy tắc 7.4 hoặc 7.10, thì khoản phí nộp đơn kiện cần thiết theo bộ Quy tắc này sẽ phải nộp đối với các đơn khiếu nại bổ sung hoặc đơn khiếu nại ngược lại bổ sung.

## **8. Hợp nhất Tố tụng Trọng tài**

- 8.1 Trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài trong các vụ tố tụng trọng tài được đề nghị hợp nhất, một bên có thể nộp lên Tổng Thư ký bản đề nghị hợp nhất hai hoặc nhiều vụ tố tụng trọng tài đang diễn ra theo bộ Quy tắc này thành một vụ tố tụng trọng tài duy nhất, với điều kiện bất kỳ tiêu chuẩn nào sau đây phải được đáp ứng đối với các vụ tố tụng trọng tài sẽ được hợp nhất:
- a. tất cả các bên đã nhất trí việc hợp nhất tố tụng trọng tài;

- b. tất cả các đơn khiếu nại trong các vụ tố tụng trọng tài được đưa ra theo cùng một thỏa thuận trọng tài; hoặc
  - c. các thỏa thuận trọng tài có tính chất tương hợp, và: (i) các tranh chấp phát sinh từ cùng (các) mối quan hệ pháp lý tương tự; (ii) các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng gồm một hợp đồng chính và (các) hợp đồng phụ; hoặc (iii) các tranh chấp phát sinh từ cùng một giao dịch hoặc một loạt giao dịch tương tự.
- 8.2 Đề nghị hợp nhất tố tụng trọng tài theo Quy tắc 8.1 sẽ bao gồm các nội dung sau đây:
- a. số tham chiếu của các vụ tố tụng trọng tài được đề nghị hợp nhất;
  - b. tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử, nếu đã được thông báo, của tất cả các bên và các đại diện của mỗi bên, nếu có, và bất kỳ trọng tài viên nào được đề cử hoặc chỉ định trong các vụ tố tụng trọng tài được yêu cầu hợp nhất;
  - c. các thông tin nêu tại Quy tắc 3.1(c) và Quy tắc 3.1(d);
  - d. trường hợp đề nghị hợp nhất được đưa ra theo Quy tắc 8.1(a), thì nêu rõ thỏa thuận nhất trí có liên quan và, nếu có thể, cung cấp một bản sao của thỏa thuận nhất trí đó; và
  - e. một bản trình bày tóm tắt các sự việc và cơ sở pháp lý của bản đề nghị hợp nhất.
- 8.3 Đồng thời với việc nộp bản đề nghị hợp nhất lên Tổng Thư ký, bên tố tụng trọng tài đưa ra đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.1 phải gửi một bản sao đề nghị hợp nhất đó cho tất cả các bên và thông báo cho Tổng Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu cụ thể phương thức gửi được sử dụng và ngày gửi.
- 8.4 Sau khi cân nhắc các quan điểm của tất cả các bên, và có xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp, Tòa sẽ quyết định việc chấp thuận toàn bộ hoặc một phần bản đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.1. Quyết định của Tòa về việc chấp thuận bản đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.4 này không phương hại tới quyền hạn của Hội đồng Trọng tài trong việc đưa ra quyết định sau đó đối với bất kỳ vấn đề nào về thẩm quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài phát sinh từ quyết định đó. Quyết định của Tòa về việc bác bỏ toàn bộ hoặc một phần của bản đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.4 này không phương hại tới quyền của một bên tham gia tố tụng trọng tài trong việc đề nghị Hội đồng Trọng tài cho phép hợp nhất theo Quy tắc

- 8.7. Bất kỳ vụ tố tụng trọng tài nào không được hợp nhất sẽ tiếp tục diễn ra như các vụ tố tụng trọng tài riêng rẽ theo bộ Quy tắc này.
- 8.5 Nếu Tòa quyết định hợp nhất hai hoặc nhiều vụ tố tụng trọng tài theo Quy tắc 8.4, thì các vụ tố tụng trọng tài sẽ được hợp nhất thành vụ tố tụng trọng tài mà được Tổng Thư ký xem là đã diễn ra trước tiên, trừ khi tất cả các bên có thỏa thuận khác hoặc Tòa có quyết định khác khi đã xem xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp.
- 8.6 Nếu đề nghị hợp nhất được chấp thuận theo Quy tắc 8.4, thì Tòa có thể hủy bỏ việc chỉ định trọng tài viên đã được chỉ định trước khi có quyết định về việc hợp nhất. Trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên, các Quy tắc từ 9 đến 12 sẽ áp dụng một cách phù hợp, và thời hạn tương ứng theo các Quy tắc đó sẽ tính từ ngày nhận được quyết định của Tòa theo Quy tắc 8.4.
- 8.7 Sau khi thành lập Hội đồng Trọng tài trong các vụ tố tụng trọng tài được đề nghị hợp nhất, một bên tố tụng trọng tài có thể đề nghị lên Hội đồng Trọng tài việc hợp nhất hai hoặc nhiều vụ tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này thành một vụ tố tụng trọng tài duy nhất, với điều kiện là bất kỳ tiêu chuẩn nào sau đây cũng phải được đáp ứng đối với các vụ tố tụng trọng tài sẽ được hợp nhất:
- a. tất cả các bên đã nhất trí việc hợp nhất tố tụng trọng tài;
  - b. tất cả các đơn khiếu nại trong các vụ tố tụng trọng tài được đưa ra theo cùng một thỏa thuận trọng tài, và chỉ có một Hội đồng Trọng tài duy nhất được thành lập trong mỗi vụ tố tụng trọng tài hoặc không có bất cứ Hội đồng Trọng tài nào được thành lập trong (các) vụ tố tụng trọng tài còn lại; hoặc
  - c. các thỏa thuận trọng tài có tính chất tương hợp, chỉ có một Hội đồng Trọng tài duy nhất được thành lập trong mỗi vụ tố tụng trọng tài hoặc không có bất cứ Hội đồng Trọng tài nào được thành lập trong (các) vụ tố tụng trọng tài còn lại, và: (i) các tranh chấp phát sinh từ cùng (các) mối quan hệ pháp lý tương tự; (ii) các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng gồm một hợp đồng chính và (các) hợp đồng phụ; hoặc (iii) các tranh chấp phát sinh từ cùng một giao dịch hoặc một loạt giao dịch tương tự.
- 8.8 Tùy thuộc vào chi thị cụ thể của Hội đồng Trọng tài, các quy định của Quy tắc 8.2 sẽ được áp dụng với sự điều chỉnh phù hợp cho việc đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.7.
- 8.9 Sau khi Hội đồng Trọng tài đã cho các bên cơ hội hợp giải quyết vụ tranh chấp, và có xét đến các tình tiết của vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định

việc chấp thuận toàn bộ hoặc một phần bản đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.7. Quyết định của Hội đồng Trọng tài về việc chấp thuận bản đề nghị hợp nhất theo Quy tắc 8.9 này không phương hại tới quyền hạn của Hội đồng Trọng tài trong việc đưa ra quyết định sau đó đối với bất kỳ vấn đề nào về thẩm quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài phát sinh từ quyết định đó. Bất kỳ vụ tố tụng trọng tài nào không được hợp nhất sẽ tiếp tục diễn ra như các vụ tố tụng trọng tài riêng rẽ theo bộ Quy tắc này.

- 8.10 Nếu đề nghị hợp nhất được chấp thuận theo Quy tắc 8.9, thì Tòa có thể hủy bỏ việc chỉ định trọng tài viên đã được chỉ định trước khi có quyết định về việc hợp nhất.
- 8.11 Việc Tòa quyết định hủy bỏ chỉ định trọng tài viên theo Quy tắc 8.6 hoặc Quy tắc 8.10 không phương hại tới giá trị hiệu lực của hành động hay lệnh hoặc Phán quyết của trọng tài viên đó trước khi việc chỉ định trọng tài viên đó bị hủy bỏ.
- 8.12 Nếu đề nghị hợp nhất được chấp thuận theo Quy tắc 8.4 hoặc 8.9, thì bên không đề cử trọng tài viên hoặc không tham gia vào việc thành lập Hội đồng Trọng tài sẽ được xem là đã từ bỏ quyền của mình trong việc đề cử trọng tài viên hoặc tham gia thành lập Hội đồng Trọng tài, mà không làm phương hại tới quyền của bên đó trong việc không thừa nhận trọng tài viên theo Quy tắc 14.

## **9. Số lượng và Chỉ định Trọng tài viên**

- 9.1 Trọng tài viên duy nhất sẽ được chỉ định trong một vụ tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này trừ khi các bên đã có thỏa thuận khác; hoặc sau khi xem xét thích đáng các đề nghị của các bên, Tổng Thư ký thấy rằng tính chất phức tạp, tổng số tiền có liên quan hoặc các tình tiết khác có liên quan của vụ tranh chấp đòi hỏi phải chỉ định ba trọng tài viên.
- 9.2 Nếu các bên đã thỏa thuận rằng một trọng tài viên sẽ được chỉ định bởi một hay nhiều bên, hoặc bởi một bên thứ ba kể cả các trọng tài viên đã được chỉ định, thì thỏa thuận đó sẽ được xem là thỏa thuận đề cử một trọng tài viên theo bộ Quy tắc này.
- 9.3 Trong mọi trường hợp, các trọng tài viên được đề cử bởi các bên, hoặc bởi một bên thứ ba kể cả bởi các trọng tài viên đã được chỉ định, sẽ được Chánh Tòa chỉ định theo toàn quyền của Chánh Tòa.
- 9.4 Chánh Tòa sẽ chỉ định một trọng tài viên trong thời gian sớm nhất có thể. Quyết định chỉ định trọng tài viên của Chánh Tòa theo bộ Quy tắc này sẽ là quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo.

9.5 Chánh Tòa có thể chỉ định bất kỳ ứng viên nào đã được một bên đề xuất hay đề nghị chỉ định.

9.6 Các điều kiện chỉ định mỗi trọng tài viên sẽ do Tổng Thư ký ấn định phù hợp theo bộ Quy tắc này và Tài liệu Hướng dẫn Thực hiện hiện hành, hoặc theo thỏa thuận của các bên.

## **10. Trọng tài viên Duy nhất**

10.1 Nếu trọng tài viên duy nhất sẽ được chỉ định, thì một bên có thể đề xuất với bên kia tên của một hay nhiều người có thể thực hiện chức năng là trọng tài viên duy nhất. Trường hợp các bên đã đạt được thỏa thuận về việc đề cử trọng tài viên duy nhất, thì Quy tắc 9.3 sẽ được áp dụng.

10.2 Nếu trong vòng 21 ngày sau ngày bắt đầu tố tụng trọng tài, hoặc trong một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên hoặc được Tổng Thư ký quy định, các bên không đạt được thỏa thuận về việc đề cử trọng tài viên duy nhất, hoặc nếu tại bất kỳ thời điểm nào một bên có yêu cầu, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định trọng tài viên duy nhất.

## **11. Ba Trọng tài viên**

11.1 Nếu ba trọng tài viên sẽ được chỉ định, thì mỗi bên sẽ đề cử một trọng tài viên.

11.2 Nếu một bên không tiến hành đề cử một trọng tài viên trong vòng 14 ngày sau khi nhận được đề cử trọng tài viên của một bên, hoặc trong một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên hoặc được Tổng Thư ký quy định, thì Chánh Tòa sẽ thay mặt bên đó tiến hành chỉ định một trọng tài viên.

11.3 Trừ khi các bên đã thỏa thuận về thủ tục khác để chỉ định trọng tài viên thứ ba, hoặc nếu thủ tục được thỏa thuận đó không dẫn tới việc đề cử trong thời hạn được các bên thỏa thuận hoặc được Tổng Thư ký ấn định, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định trọng tài viên thứ ba, là người sẽ làm trọng tài viên chủ tọa.

## **12. Chỉ định (các) Trọng tài viên của nhiều bên**

12.1 Trường hợp có trên hai bên tham gia tố tụng trọng tài, và trọng tài viên duy nhất sẽ được chỉ định, thì các bên có thể thỏa thuận cùng đề cử trọng tài viên duy nhất đó. Nếu việc cùng đề cử đó không được thực hiện trong vòng 28 ngày kể từ ngày bắt đầu tố tụng trọng tài hoặc trong một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên hoặc được Tổng Thư ký quy định, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định trọng tài viên duy nhất đó.

12.2 Trường hợp có trên hai bên tham gia tố tụng trọng tài, và ba trọng tài viên sẽ được chỉ định, thì (các) Nguyên đơn sẽ cùng đề cử một trọng tài viên và (các) Bị đơn sẽ cùng đề cử một trọng tài viên. Trọng tài viên thứ ba, người sẽ làm trọng tài viên chủ tọa, sẽ được chỉ định theo Quy tắc 11.3. Nếu cả hai việc đề cử chung đó không được thực hiện trong vòng 28 ngày kể từ ngày bắt đầu tố tụng trọng tài hoặc trong một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên hoặc được Tổng Thư ký quy định, thì Chánh Tòa sẽ chỉ định cả ba trọng tài viên và sẽ chỉ định một trong số họ làm trọng tài viên chủ tọa.

### **13. Tiêu chuẩn Trọng tài viên**

13.1 Một Trọng tài viên được chỉ định trong một vụ tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này, dù được các bên đề cử hay không, sẽ và luôn luôn độc lập và không thiên vị.

13.2 Khi chỉ định một trọng tài viên theo bộ Quy tắc này, Chánh Tòa sẽ quan tâm thích đáng tới tiêu chuẩn cần thiết của trọng tài viên được yêu cầu theo thỏa thuận của các bên và tới việc xem xét có liên quan tới tính không thiên vị và độc lập của trọng tài viên đó.

13.3 Chánh Tòa cũng sẽ xem xét việc trọng tài viên có đủ thời gian quyết định vụ tranh chấp một cách nhanh chóng và có hiệu quả phù hợp với tính chất tố tụng trọng tài hay không.

13.4 Một trọng tài viên được đề cử sẽ công bố cho các bên và Tổng Thư ký bất kỳ sự việc nào có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự không thiên vị hoặc tính độc lập của mình trong thời gian sớm nhất có thể và trong mọi trường hợp đều phải trước khi trọng tài viên đó được chỉ định.

13.5 Một trọng tài viên sẽ lập tức công bố cho các bên, các trọng tài viên khác và Tổng Thư ký về bất kỳ tình tiết nào có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự không thiên vị hoặc tính độc lập của mình có thể sẽ được công bố hoặc phát sinh trong quá trình tố tụng trọng tài.

13.6 Bất kỳ bên nào hay bất kỳ người nào thay mặt một bên sẽ không có bất kỳ trao đổi liên lạc riêng nào từ một phía liên quan tới vụ tranh chấp, với bất kỳ trọng tài viên nào hoặc với bất kỳ ứng viên cho việc chỉ định làm trọng tài viên do một bên đề cử, ngoại trừ để thông báo cho ứng viên về tính chất chung của bất đồng và của thủ tục tố tụng dự kiến; để thảo luận về tiêu chuẩn, khả năng tham gia hoặc tính độc lập của ứng viên liên quan tới các bên; hoặc để thảo luận về sự phù hợp của các ứng viên cho việc lựa chọn làm trọng tài viên chủ tọa trong trường hợp các trọng tài viên được các bên hoặc một bên đề cử phải tham gia vào việc lựa chọn đó. Bất kỳ bên nào hay bất kỳ người nào thay mặt một bên sẽ không có

bất kỳ liên lạc riêng nào từ một phía liên quan tới vụ tranh chấp với bất kỳ ứng viên nào cho vị trí trọng tài viên chủ tọa.

#### **14. Phản đối Trọng tài viên**

- 14.1 Một trọng tài viên có thể bị phản đối nếu các tình tiết thực tế có thể khiến người khác nghi ngờ chính đáng về sự không thiên vị hoặc tính độc lập của trọng tài viên đó hoặc nếu trọng tài viên đó không có tiêu chuẩn cần thiết mà các bên đã thỏa thuận.
- 14.2 Một bên có thể phản đối trọng tài viên do chính bên đó đề cử chỉ vì các lý do mà bên đó biết được sau khi đã chỉ định.

#### **15. Thông báo Phản đối**

- 15.1 Một bên có ý định phản đối một trọng tài viên sẽ phải đệ trình một thông báo phản đối lên Tổng Thư ký theo yêu cầu của Quy tắc 15.2 trong vòng 14 ngày sau khi nhận được thông báo chỉ định trọng tài viên đang bị phản đối hoặc trong vòng 14 ngày sau khi bên đó biết được hoặc lẽ ra phải biết được một cách hợp lý về các tình tiết nêu tại Quy tắc 14.1 hoặc 14.2.
- 15.2 Thông báo phản đối sẽ phải nêu rõ lý do phản đối. Ngày Tổng Thư ký nhận được thông báo phản đối sẽ được xem là ngày đệ trình thông báo phản đối. Đồng thời với việc đệ trình thông báo phản đối lên Tổng Thư ký, bên phản đối một trọng tài viên sẽ phải gửi thông báo phản đối đó cho bên còn lại, trọng tài viên bị phản đối và các thành viên khác của Hội đồng Trọng tài (hoặc trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, thì gửi cho bất kỳ trọng tài viên được chỉ định nào), và phải thông báo cho Tổng Thư ký về việc đã gửi như vậy, nêu rõ phương thức gửi và ngày gửi.
- 15.3 Bên phản đối trọng tài viên sẽ phải thanh toán phí phản đối quy định theo bộ Quy tắc này theo Biểu Phí áp dụng. Nếu bên phản đối trọng tài viên không nộp phí phản đối trong thời hạn được Tổng Thư ký quy định, thì việc phản đối đó sẽ được xem là bị hủy bỏ.
- 15.4 Sau khi nhận được thông báo phản đối theo Quy tắc 15.2, Tổng Thư ký có thể ra lệnh đình chỉ thủ tục tố tụng trọng tài cho tới khi việc phản đối được giải quyết.

Trừ khi Tổng Thư ký có lệnh đình chỉ thủ tục tố tụng trọng tài theo Quy tắc 15.4 này, trọng tài viên bị phản đối sẽ có quyền tiếp tục tham gia tố tụng trọng tài trong khi chưa có quyết định phản đối của Tòa theo Quy tắc 16.

- 15.5 Khi trọng tài viên bị một bên phản đối, thì bên kia có thể đồng ý với việc phản đối, và Tòa sẽ bãi nhiệm trọng tài viên đó nếu tất cả các bên nhất trí với việc phản đối. Trọng tài viên bị phản đối cũng có thể tự nguyện rút khỏi vị trí của mình. Cả hai trường hợp đều không mặc nhiên được hiểu là sự chấp nhận tính chất hợp lệ của các căn cứ phản đối.
- 15.6 Nếu một trọng tài viên bị bãi nhiệm hoặc rút khỏi vị trí của mình theo Quy tắc 15.5, thì một trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo quy trình áp dụng cho việc đề cử và chỉ định trọng tài viên bị thay thế. Quy trình này sẽ áp dụng ngay cả khi, trong quá trình chỉ định trọng tài viên bị phản đối, một bên đã không thực hiện quyền đề cử trọng tài viên của mình. Các thời hạn áp dụng đối với việc đề cử và chỉ định trọng tài viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày bên kia đồng ý với việc phản đối hoặc trọng tài viên bị phản đối rút khỏi vị trí của mình.

## **16. Quyết định Phản đối**

- 16.1 Nếu, trong vòng bảy ngày kể từ khi nhận được thông báo phản đối theo Quy tắc 15, bên kia không đồng ý với việc phản đối và trọng tài viên bị phản đối không tự nguyện rút khỏi vị trí, thì Tòa sẽ đưa ra quyết định về việc phản đối. Tòa có thể yêu cầu các bên, trọng tài viên bị phản đối và các thành viên còn lại của Hội đồng Trọng tài (hoặc trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì sẽ là bất kỳ trọng tài viên nào được chỉ định) đưa ra ý kiến về việc phản đối, và Tòa sẽ ấn định một thời hạn cho việc đưa ra các ý kiến đó.
- 16.2 Nếu Tòa chấp nhận việc phản đối một trọng tài viên, thì Tòa sẽ phải bãi nhiệm trọng tài viên đó, và trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo các thủ tục áp dụng cho việc đề cử và chỉ định trọng tài viên bị thay thế. Các thời hạn áp dụng đối với việc đề cử và chỉ định trọng tài viên thay thế sẽ bắt đầu từ ngày Tổng Thư ký thông báo cho các bên về quyết định của Tòa.
- 16.3 Nếu Tòa bác bỏ việc phản đối một trọng tài viên, thì trọng tài viên bị phản đối sẽ tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài.
- 16.4 Quyết định của Tòa về việc phản đối một trọng tài viên theo Quy tắc 16 này sẽ phải có lý do, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, và quyết định đó sẽ phải do Tổng Thư ký ban hành cho các bên. Một quyết định như vậy của Tòa về việc phản đối trọng tài viên sẽ là quyết định cuối cùng và không bị kháng cáo.

## **17. Thay thế Trọng tài viên**

- 17.1 Trừ khi có quy định khác trong bộ Quy tắc này, trong trường hợp trọng tài viên tử vong, từ chức, rút khỏi vị trí hoặc bị bãi nhiệm trong quá trình tố tụng trọng tài,



trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định theo thủ tục áp dụng cho việc đề cử và chỉ định trọng tài viên bị thay thế.

- 17.2 Trong trường hợp trọng tài viên từ chối hoặc không hành động hoặc thực hiện các chức năng của mình theo bộ Quy tắc hoặc trong thời hạn quy định, hoặc trong trường hợp trọng tài viên không có khả năng về *mặt pháp lý* hoặc *trên thực tế* để hành động hoặc thực hiện các chức năng của mình, thì thủ tục phản đối và thay thế trọng tài viên quy định tại các Quy tắc từ 14 đến 16 và Quy tắc 17.1 sẽ được áp dụng.
- 17.3 Chánh Tòa được chủ động và toàn quyền bãi nhiệm trọng tài viên đã từ chối hoặc không hành động hoặc thực hiện các chức năng của mình theo bộ Quy tắc hoặc trong thời hạn quy định, hoặc trong trường hợp trọng tài viên không có khả năng về *mặt pháp lý* hoặc *trên thực tế* để hành động hoặc thực hiện các chức năng của mình, hoặc nếu trọng tài viên không tiến hành hoặc tham gia tổ tụng trọng tài với sự miễn cần cần thiết và/hoặc theo phương thức bảo đảm được việc giải quyết tranh chấp một cách công bằng, nhanh chóng, tiết kiệm và dứt điểm. Chánh Tòa sẽ tham vấn ý kiến của các bên và các thành viên của Hội đồng Trọng tài, bao gồm cả trọng tài viên sẽ bị bãi nhiệm (hoặc trường hợp Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập thì sẽ là một trọng tài viên được chỉ định) trước khi bãi nhiệm trọng tài viên theo Quy tắc này.

## **18. Tiến hành lại Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp trong Trường hợp Thay thế Trọng tài viên**

Nếu trọng tài viên duy nhất hoặc trọng tài viên chủ tọa bị thay thế theo thủ tục quy định tại các Quy tắc từ 15 đến 17, các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được tổ chức trước đó sẽ được tiến hành lại trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Nếu một trọng tài viên khác bị thay thế, thì các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được tổ chức trước đó có thể được tiến hành lại theo toàn quyền quyết định của Hội đồng Trọng tài sau khi tham khảo ý kiến các bên. Nếu Hội đồng Trọng tài đã ra Phán quyết tạm thời hoặc một phần, thì các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp chỉ liên quan tới Phán quyết đó sẽ không bị tiến hành lại, và Phán quyết sẽ vẫn có hiệu lực.

## **19. Tiến hành Tổ tụng Trọng tài**

- 19.1 Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành tổ tụng trọng tài theo phương thức mà Hội đồng Trọng tài xét thấy thích hợp, sau khi tham khảo ý kiến các bên, để bảo đảm được việc giải quyết tranh chấp một cách công bằng, nhanh chóng, tiết kiệm và dứt điểm.

- 19.2 Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định về tính liên quan, tính cần thiết và tính chấp nhận được của tất cả các chứng cứ. Hội đồng Trọng tài không cần thiết phải áp dụng các quy tắc về chứng cứ của bất kỳ luật áp dụng nào trong việc đưa ra quyết định đó.
- 19.3 Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi thành lập Hội đồng Trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành cuộc họp sơ bộ với tất cả các bên, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương tiện khác, để thảo luận thủ tục thích hợp và hiệu quả nhất cho vụ tranh chấp.
- 19.4 Hội đồng Trọng tài được toàn quyền chỉ đạo trình tự tố tụng, thủ tục chia nhỏ vụ tranh chấp, loại bỏ lời khai không có liên quan hoặc tập hợp các lời khai hoặc chứng cứ khác và lệnh cho các bên tập trung trình bày các vấn đề mà quyết định về các vấn đề đó có thể loại bỏ toàn bộ hoặc một phần vụ tranh chấp.
- 19.5 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trọng tài viên chủ tọa có thể chỉ đưa ra các quyết định về thủ tục, phụ thuộc vào việc sửa đổi của Hội đồng Trọng tài.
- 19.6 Mọi bản trình bày, tài liệu hoặc thông tin khác được một bên cung cấp cho Hội đồng Trọng tài và/hoặc Tổng Thư ký sẽ đồng thời được chuyển cho bên kia.
- 19.7 Tại bất kỳ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng trọng tài, Chánh Tòa cũng có thể yêu cầu các bên và Hội đồng Trọng tài triệu tập một cuộc họp để thảo luận thủ tục thích hợp và hiệu quả nhất cho vụ tranh chấp. Cuộc họp đó có thể được tiến hành với sự có mặt trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện khác.

## **20. Việc đệ trình tài liệu của các Bên**

- 20.1 Trừ khi Hội đồng Trọng tài có quyết định khác, việc nộp các bản trình bày sẽ được tiến hành như quy định trong Quy tắc này.
- 20.2 Trừ khi đã nộp theo Quy tắc 3.2, trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Nguyên đơn sẽ gửi cho Bị đơn và Hội đồng Trọng tài Bản Trình bày Khiếu nại nêu đầy đủ chi tiết:
- a. trình bày các sự việc hộ trợ cho khiếu nại;
  - b. cơ sở pháp lý hoặc lập luận hỗ trợ cho khiếu nại; và
  - c. biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu cùng với giá trị của tất cả các khiếu nại có thể xác định được số tiền.

- 20.3 Trừ khi đã nộp theo Quy tắc 4.2, trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Bị đơn sẽ gửi cho Nguyên đơn và Hội đồng Trọng tài Bản Biện hộ nêu đầy đủ chi tiết:
- trình bày các sự việc hộ trợ việc biện hộ trước Bản Trình bày Khiếu nại;
  - cơ sở pháp lý hoặc lập luận hỗ trợ cho việc biện hộ đó; và
  - biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu.
- 20.4 Nếu có Bản Trình Khiếu nại Ngược lại, thì trong thời hạn do Hội đồng Trọng tài quyết định Nguyên đơn sẽ gửi cho Bị đơn và Hội đồng Trọng tài Bản Biện hộ trước Đơn Khiếu nại Ngược lại nêu đầy đủ chi tiết:
- trình bày các sự việc hỗ trợ cho việc biện hộ trước Bản Trình bày Khiếu nại Ngược lại;
  - cơ sở pháp lý hoặc lập luận hỗ trợ cho việc biện hộ đó; và
  - biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu.
- 20.5 Một bên có thể sửa đổi đơn khiếu nại, đơn khiếu nại ngược lại hoặc các tài liệu đã đệ trình khác trừ khi Hội đồng Trọng tài xét thấy không thích hợp để cho phép thực hiện việc sửa đổi đó có xem xét tới việc chậm trễ khi thực hiện việc sửa đổi đó hoặc sự phương hại tới bên kia hoặc các tình tiết khác. Tuy nhiên, một đơn khiếu nại hay đơn khiếu nại ngược lại sẽ không thể được sửa đổi theo phương thức làm cho đơn khiếu nại hoặc đơn khiếu nại ngược lại được sửa đổi đó vượt ra ngoài phạm vi thỏa thuận trọng tài.
- 20.6 Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định các tài liệu nào sẽ là các tài liệu tiếp theo mà các bên sẽ cần phải đệ trình hoặc xuất trình. Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định thời hạn đệ trình hoặc xuất trình các tài liệu đó.
- 20.7 Mọi tài liệu được đề cập trong Quy tắc này sẽ được nộp kèm theo bản sao của tất cả các tài liệu chứng từ mà trước đó một bên chưa nộp.
- 20.8 Nếu Nguyên đơn không nộp Bản Trình bày Khiếu nại trong thời hạn quy định cụ thể, thì Hội đồng Trọng tài có thể ra lệnh chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài hoặc đưa ra chỉ thị khác khi thích hợp.
- 20.9 Nếu Bị đơn không nộp Bản Biện hộ, hoặc nếu tại bất cứ một thời điểm nào một bên không tranh thủ được cơ hội để trình bày vụ tranh chấp của mình theo phương thức được Hội đồng Trọng tài chỉ đạo, thì Hội đồng Trọng tài có thể tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài.

## **21. Địa điểm Trọng tài**

- 21.1 Các bên có thể thỏa thuận về địa điểm trọng tài. Nếu không đạt được thỏa thuận đó, thì địa điểm trọng tài sẽ do Hội đồng Trọng tài quyết định sau khi đã xem xét tất cả các tình tiết của vụ tranh chấp.
- 21.2 Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và các cuộc họp khác thông qua các phương tiện mà Hội đồng Trọng tài xét thấy phù hợp hoặc thích hợp và tại địa điểm mà Hội đồng Trọng tài xét thấy thuận tiện hoặc thích hợp.

## **22. Ngôn ngữ Trọng tài**

- 22.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài.
- 22.2 Nếu một bên nộp một tài liệu được viết bằng ngôn ngữ không phải là (các) ngôn ngữ trọng tài, thì Hội đồng Trọng tài, hoặc nếu Hội đồng Trọng tài chưa được thành lập, thì Tổng Thư ký, có thể yêu cầu bên đó nộp bản dịch theo hình thức do Hội đồng Trọng tài hoặc Tổng Thư ký quyết định.

## **23. Người đại diện của một Bên**

- 23.1 Một bên có thể được đại diện bởi những người hành nghề luật sư hoặc những người đại diện khác theo ủy quyền. Tổng Thư ký và/hoặc Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu xuất trình bằng chứng thẩm quyền của những người đại diện cho một bên.
- 23.2 Sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, nếu một bên có bất cứ sự thay đổi hay bổ sung nào đối với người đại diện của mình thì sẽ phải thông báo ngay cho các bên, Hội đồng Trọng tài và Tổng Thư ký.

## **24. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp**

- 24.1 Trừ khi các bên đã thỏa thuận về việc tố tụng trọng tài chỉ dựa trên hồ sơ hoặc theo quy định trong bộ Quy tắc này, nếu một bên có yêu cầu hoặc Hội đồng Trọng tài có quyết định, thì Hội đồng Trọng tài sẽ tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp để trình bày chứng cứ và/hoặc trình bày bằng lời nói về nội dung vụ tranh chấp, bao gồm cả các vấn đề về thẩm quyền tài phán.
- 24.2 Sau khi đã tham vấn ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định ngày, giờ và địa điểm các cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp và sẽ thông báo hợp lý cho các bên.

- 24.3 Nếu một bên không có mặt tại một cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết tranh chấp mà không đưa ra lý do đầy đủ cho việc vắng mặt đó, thì Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành tố tụng trọng tài và đưa ra Phán quyết dựa trên các tài liệu đã đệ trình và chứng cứ đã có.
- 24.4 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, mọi cuộc họp và phiên họp giải quyết vụ tranh chấp sẽ được tổ chức kín, và các biên bản, trích lục, hoặc tài liệu được sử dụng liên quan tới tố tụng trọng tài sẽ được bảo mật.

## **25. Người làm chứng**

- 25.1 Trước khi diễn ra phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu các bên thông báo về nhân thân của người làm chứng, kể cả những người làm chứng là chuyên gia mà các bên dự định đưa ra, nội dung lời khai của họ và mối liên quan của nội dung đó với các vấn đề.
- 25.2 Hội đồng Trọng tài có thể cho phép, từ chối hoặc hạn chế sự xuất hiện của những người làm chứng đối với việc cung cấp chứng cứ bằng lời nói tại phiên họp giải quyết tranh chấp.
- 25.3 Người làm chứng cung cấp chứng cứ bằng lời nói có thể được từng bên, đại diện của từng bên và Hội đồng Trọng tài hỏi theo cách thức do Hội đồng Trọng tài có thể quyết định.
- 25.4 Hội đồng Trọng tài có thể chỉ thị lời khai của người làm chứng được trình bày dưới dạng văn bản như bản trình bày có chữ ký hoặc bản lời khai có tuyên thệ hoặc một hình thức ghi chép khác. Tùy thuộc vào Quy tắc 25.2, một bên có thể yêu cầu người làm chứng đó tham dự để kiểm tra miệng. Nếu người làm chứng đó không tham dự kiểm tra miệng, Hội đồng Trọng tài có thể dựa vào lời khai bằng văn bản khi Hội đồng Trọng tài thấy lời khai là thích hợp, hoặc Hội đồng trọng tài có thể không quan tâm tới lời khai bằng văn bản đó hoặc hoàn toàn loại trừ lời khai bằng văn bản đó.
- 25.5 Một bên hoặc người đại diện của bên đó có thể phỏng vấn người làm chứng hoặc người có khả năng sẽ là người làm chứng (mà có thể được bên đó giới thiệu) trước khi người làm chứng đó xuất hiện để cung cấp chứng cứ bằng lời nói tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.

## **26. Chuyên gia do Hội đồng Trọng tài Chỉ định**

- 26.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài có thể:

- a. chỉ định một chuyên gia để báo cáo các vấn đề cụ thể sau khi tham khảo ý kiến các bên; và
  - b. yêu cầu một bên cung cấp cho chuyên gia được chỉ định theo Quy tắc 26.1(a) các thông tin có liên quan, hoặc tạo ra hoặc cung cấp quyền tiếp cận các tài liệu, hàng hóa hoặc tài sản có liên quan để kiểm tra.
- 26.2 Chuyên gia được chỉ định theo Quy tắc 26.1(a) sẽ phải nộp một báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Trọng tài. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản đó, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi bản sao của báo cáo đó cho các bên và yêu cầu các bên đưa ra ý kiến nhận xét bằng văn bản về báo cáo đó.
- 26.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của một bên, chuyên gia được chỉ định theo Quy tắc 26.1(a) sẽ phải tham gia vào phiên họp giải quyết vụ tranh chấp sau khi gửi báo cáo bằng văn bản. Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, các bên sẽ có cơ hội kiểm tra chuyên gia.

## **27. Quyền hạn Bổ sung của Hội đồng Trọng tài**

Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, ngoài các quyền hạn khác được quy định rõ trong bộ Quy tắc này, và ngoại trừ khi bị cấm bởi các quy tắc bắt buộc của luật pháp áp dụng cho tổ tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền hạn:

- a. yêu cầu chỉnh sửa hoặc sửa chữa hợp đồng, tùy thuộc vào luật điều chỉnh hợp đồng đó;
- b. ngoại trừ khi được quy định trong bộ Quy tắc này, gia hạn hoặc rút ngắn các thời hạn được quy định theo bộ Quy tắc này hoặc theo chỉ thị của Hội đồng Trọng tài;
- c. tiến hành tìm hiểu mà theo Hội đồng Trọng tài có thể cần thiết hoặc thích hợp;
- d. yêu cầu các bên cung cấp các tài sản hoặc vật dụng mà các bên đang nắm giữ hoặc kiểm soát sẵn sàng cho việc kiểm tra;
- e. yêu cầu bảo quản, lưu giữ, bán hoặc định đoạt các tài sản hoặc vật dụng là hoặc tạo thành một phần của đối tượng tranh chấp;
- f. yêu cầu một bên xuất trình cho Hội đồng Trọng tài và các bên khác kiểm tra, và cung cấp các bản sao các tài liệu mà bên đó đang nắm giữ hoặc

kiểm soát mà Hội đồng Trọng tài xét thấy có liên quan tới vụ việc và cần thiết cho việc kết luận vụ việc;

- g. ban hành lệnh hoặc Phán quyết đối với việc hoàn trả các khoản tiền đặt cọc chưa được thanh toán đối với các khoản phí trọng tài;
- h. chỉ thị cho một bên hoặc một người cung cấp chứng cứ bằng bản lời khai có tuyên thệ hoặc dưới một hình thức khác;
- i. chỉ thị cho một bên thực hiện hoặc không thực hiện các hành động để đảm bảo rằng một Phán quyết mà có thể được đưa ra trong vụ tố tụng trọng tài sẽ không bị mất giá trị do một bên tẩu tán tài sản hoặc các lý do khác;
- j. yêu cầu một bên cung cấp bảo đảm cho chi phí luật sư hoặc các chi phí khác theo phương thức mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp;
- k. yêu cầu một bên cung cấp bảo đảm cho toàn bộ hoặc một phần số tiền tranh chấp trong tố tụng trọng tài;
- l. tiến hành tố tụng trọng tài cho dù một bên không hoặc từ chối tuân thủ bộ Quy tắc này hoặc các yêu cầu hoặc chỉ thị của Hội đồng Trọng tài hoặc một Phán quyết một phần hoặc việc tham dự các cuộc họp hoặc phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, và Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền hạn áp dụng các chế tài mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp liên quan tới việc bên đó đã không hoặc từ chối tuân thủ như vậy;
- m. quyết định, trong trường hợp thích hợp, một vấn đề không được đưa ra một cách rõ ràng hoặc mặc nhiên trong các tài liệu đã đệ trình của một bên với điều kiện vấn đề này đã được thông báo rõ ràng cho bên còn lại và bên còn lại đó đã có đầy đủ cơ hội để trả lời;
- n. quyết định luật áp dụng cho thủ tục tố tụng trọng tài; và
- o. quyết định các khiếu nại đặc quyền pháp lý hoặc đặc quyền áp dụng khác.

## **28. Quyền Tài phán của Hội đồng Trọng tài**

- 28.1 Nếu một bên phản đối sự tồn tại hoặc giá trị pháp lý của thỏa thuận trọng tài hoặc thẩm quyền của SIAC trong việc thụ lý một vụ việc trọng tài, thì trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, Tổng Thư ký sẽ quyết định việc phản đối đó có được chuyển lên Tòa để giải quyết hay không. Nếu Tổng Thư ký quyết định chuyển cho Tòa để giải quyết, thì Tòa sẽ quyết định việc Tòa có thấy đương

nhiên thỏa đáng với việc tố tụng trọng tài sẽ tiếp tục được tiến hành hay không. Việc tố tụng trọng tài sẽ chấm dứt nếu Tòa không thấy thỏa đáng như vậy. Bất kỳ quyết định nào của Tổng Thư ký hoặc của Tòa về việc tố tụng trọng tài sẽ tiếp tục tiến hành đều không phương hại đến quyền hạn của Hội đồng trọng tài trong việc ra phán quyết bằng quyền tài phán riêng của Hội đồng Trọng tài.

28.2 Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền hạn ra phán quyết bằng quyền tài phán riêng của mình, kể cả các phản đối đối với sự tồn tại, giá trị pháp lý hoặc phạm vi của thỏa thuận trọng tài. Một thỏa thuận trọng tài tạo nên một phần của một hợp đồng sẽ được xem là một thỏa thuận độc lập với các điều khoản khác của hợp đồng đó. Quyết định của Hội đồng Trọng tài rằng hợp đồng vô hiệu sẽ không dẫn tới việc thỏa thuận trọng tài bị đương nhiên vô hiệu, và Hội đồng Trọng tài sẽ không chấm dứt việc có quyền tài phán vì lý do hợp đồng không tồn tại hoặc vô hiệu.

28.3 Một phản đối rằng Hội đồng Trọng tài

- a. không có quyền tài phán sẽ được đưa ra chậm nhất là trong Bản Biện hộ hoặc trong Bản Biện hộ trước một Khiếu nại Ngược lại; hoặc
- b. đang vượt quá phạm vi quyền tài phán của mình sẽ được đưa ra trong vòng 14 ngày sau khi vấn đề bị cáo buộc là vượt quá phạm vi quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài phát sinh trong quá trình tố tụng trọng tài.

Hội đồng Trọng tài có thể chấp nhận một sự phản đối do một bên đưa ra ngoài thời hạn theo Quy tắc 28.3 này nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy việc chậm trễ là hợp lý. Một bên không bị cản trở đưa ra một phản đối theo Quy tắc 28.3 bởi việc bên đó đã đề cử, hoặc tham gia đề cử một trọng tài viên.

28.4 Hội đồng Trọng tài có thể quyết định về một phản đối được đề cập đến tại Quy tắc 28.3 như là một vấn đề sơ bộ hoặc trong một Phán quyết về các tình tiết cụ thể.

28.5 Một bên có thể dựa vào một khiếu nại hoặc biện hộ nhằm mục đích bù trừ trong phạm vi bộ Quy tắc này và luật hiện hành cho phép.



## **29. Bác Đơn Khiếu nại và Bản Biện hộ ngay từ đầu**

- 29.1 Một bên có thể đề nghị Hội đồng Trọng tài bác đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ ngay từ đầu trên cơ sở:
- a. đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ thể hiện rõ là không có giá trị pháp lý; hoặc
  - b. đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ thể hiện rõ là không thuộc quyền tài phán của Hội đồng Trọng tài.
- 29.2 Đề nghị bác đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ ngay từ đầu theo Quy tắc 29.1 sẽ phải trình bày chi tiết các sự việc và cơ sở pháp lý của đề nghị này. Đồng thời với việc nộp bản đề nghị lên Hội đồng Trọng tài, bên đề nghị bác đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ ngay từ đầu sẽ phải gửi một bản sao của đề nghị đó cho bên còn lại, và sẽ phải thông báo cho Hội đồng Trọng tài về việc đã gửi như vậy, nêu rõ phương thức gửi đã sử dụng và ngày gửi.
- 29.3 Hội đồng Trọng tài có thể toàn quyền cho phép tiến hành xử lý bản đề nghị bác đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ ngay từ đầu theo Quy tắc 29.1. Nếu bản đề nghị này được cho phép tiến hành xử lý, thì sau khi đã cho phép các bên tiến hành hợp giải quyết bản đề nghị, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định việc có chấp thuận hay không toàn bộ hoặc một phần bản đề nghị bác đơn khiếu nại hoặc bản biện hộ ngay từ đầu theo Quy tắc 29.1.
- 29.4 Nếu bản đề nghị được cho phép tiến hành xử lý, thì Hội đồng Trọng tài sẽ ban hành một lệnh hoặc Phán quyết về bản đề nghị, có nêu rõ lý do, có thể dưới hình thức tổng hợp. Lệnh hoặc Phán quyết đó sẽ được đưa ra trong vòng 60 ngày kể từ ngày đệ trình bản đề nghị, trừ khi, trong các trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký gia hạn thời gian này.

## **30. Biện pháp Khẩn cấp Tạm thời**

- 30.1 Theo yêu cầu của một bên, Hội đồng Trọng tài có thể ban hành một lệnh hoặc Phán quyết đưa ra một lệnh cấm hoặc một biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà Hội đồng Trọng tài thấy thích hợp. Hội đồng Trọng tài có thể ra lệnh cho bên yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời cung cấp bảo đảm thích hợp có liên quan tới biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu.
- 30.2 Bên mong muốn yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài có thể đề nghị được cấp biện pháp khẩn cấp tạm thời đó theo thủ tục được quy định tại Phụ lục 1.

30.3 Đề nghị của một bên với cơ quan tư pháp xin áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài hoặc trong trường hợp ngoại lệ sau đó không được trái với bộ Quy tắc này.

### **31. Luật áp dụng, người trung gian hòa giải và nguyên tắc công bằng trong tố tụng trọng tài**

31.1 Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng luật hoặc các quy tắc pháp luật được các bên chỉ định áp dụng cho nội dung vụ tranh chấp. Nếu các bên không chỉ định, thì Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng luật hoặc quy tắc pháp luật mà Hội đồng Trọng tài xác định là thích hợp.

31.2 Hội đồng Trọng tài sẽ chỉ quyết định với tư cách là người trung gian hòa giải hoặc theo nguyên tắc công bằng trong tố tụng trọng tài nếu các bên đã ủy quyền rõ ràng cho Hội đồng Trọng tài thực hiện việc đó.

31.3 Trong mọi trường hợp, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định theo các điều khoản của hợp đồng, nếu có, và sẽ xem xét cả các tập quán thương mại có thể áp dụng.

### **32. Phán quyết**

32.1 Ngay khi có thể sau khi tham khảo ý kiến các bên và khi đã nhận thấy rằng các bên không có chứng cứ liên quan và quan trọng nào nữa để đưa ra hoặc không có tài liệu gì thêm để đệ trình về các vấn đề sẽ được quyết định trong Phán quyết, Hội đồng Trọng tài sẽ tuyên bố chấm dứt thủ tục tố tụng. Tuyên bố của Hội đồng Trọng tài về việc chấm dứt thủ tục tố tụng sẽ được thông báo cho các bên và Tổng Thư ký.

32.2 Theo kiến nghị riêng của mình hoặc theo đề nghị của một bên nhưng phải trước khi Phán quyết được đưa ra, Hội đồng Trọng tài có thể mở lại thủ tục tố tụng. Quyết định của Hội đồng Trọng tài về việc mở lại thủ tục tố tụng sẽ phải được thông báo cho các bên và Tổng Thư ký. Hội đồng Trọng tài sẽ chấm dứt thủ tục tố tụng được mở lại theo Quy tắc 32.1.

32.3 Trước khi ra Phán quyết, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi dự thảo Phán quyết đó cho Tổng Thư ký. Trừ khi Tổng Thư ký gia hạn thời gian hoặc trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi dự thảo Phán quyết cho Tổng Thư ký muộn nhất là 45 ngày sau ngày Hội đồng Trọng tài tuyên bố chấm dứt thủ tục tố tụng. Trong thời gian sớm nhất có thể, Tổng Thư ký có thể đề xuất sửa đổi hình thức của Phán quyết và cũng có thể lưu ý với Hội đồng Trọng tài về các điểm trong nội dung mà không làm ảnh hưởng tới quyền tự do của Hội đồng Trọng tài trong việc quyết định tranh chấp. Hội đồng Trọng tài sẽ không ra bất kỳ Phán quyết nào cho tới khi Tổng Thư ký đã chấp thuận hình thức của Phán quyết.

- 32.4 Phán quyết sẽ được đưa ra theo hình thức văn bản và phải nêu rõ lý do căn cứ của Phán quyết trừ khi các bên nhất trí rằng không cần phải đưa ra lý do.
- 32.5 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài có thể ra các Phán quyết riêng về các vấn đề khác nhau vào các thời điểm khác nhau.
- 32.6 Nếu một trọng tài viên không hợp tác trong việc ra Phán quyết sau khi đã có cơ hội hợp lý để làm việc đó, thì các trọng tài viên còn lại có thể tiến hành ra Phán quyết. Các trọng tài viên còn lại sẽ gửi văn bản thông báo về việc từ chối hoặc không hợp tác đó cho Tổng Thư ký, các bên và trọng tài viên vắng mặt. Khi quyết định về việc có tiếp tục tiến hành tố tụng trọng tài khi vắng mặt một trọng tài viên hay không, các trọng tài viên còn lại có thể xem xét đến trong số các vấn đề khác, vấn đề giai đoạn tố tụng trọng tài, việc giải trình của trọng tài viên vắng mặt về việc trọng tài viên này từ chối tham gia tố tụng trọng tài và hậu quả, nếu có, khi thi hành Phán quyết nếu các trọng tài viên còn lại tiếp tục tiến hành tố tụng trọng tài mà không có sự tham gia của trọng tài viên vắng mặt đó. Các trọng tài viên còn lại sẽ giải trình trong Phán quyết được đưa ra về lý do tiến hành tố tụng trọng tài mà không có sự tham gia của trọng tài viên vắng mặt.
- 32.7 Trường hợp có nhiều trọng tài viên, Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định theo đa số. Nếu không có quyết định theo đa số, thì một mình trọng tài viên chủ tọa sẽ ra Phán quyết cho Hội đồng Trọng tài.
- 32.8 Phán quyết sẽ được gửi tới Tổng Thư ký, và Tổng Thư ký sẽ chuyển các bản sao có chứng thực tới các bên sau khi các khoản phí trọng tài được thanh toán đầy đủ.
- 32.9 Hội đồng Trọng tài có thể quyết định việc tính lãi đơn hay lãi kép trên số tiền là đối tượng của tố tụng trọng tài theo lãi suất do các bên có thể thỏa thuận hoặc nếu không có thỏa thuận đó, thì sẽ theo lãi suất mà Hội đồng Trọng tài xác định là phù hợp, đối với thời hạn mà Hội đồng Trọng tài xác định là phù hợp.
- 32.10 Trong trường hợp hòa giải, và nếu các bên có yêu cầu hòa giải, thì Hội đồng Trọng tài có thể ra Phán quyết đồng ý ghi nhận kết quả hòa giải. Nếu các bên không đòi hỏi Phán quyết đồng ý, thì các bên sẽ xác nhận với Tổng Thư ký rằng đã đạt được việc hòa giải, sau đó Hội đồng Trọng tài sẽ giải thể và tố tụng trọng tài sẽ chấm dứt sau khi các khoản phí trọng tài được thanh toán đầy đủ.
- 32.11 Tùy thuộc vào Quy tắc 33 và Phụ lục 1, bằng việc đồng ý với việc tố tụng trọng tài theo bộ Quy tắc này, các bên nhất trí rằng Phán quyết sẽ có giá trị chung thẩm và ràng buộc các bên kể từ ngày ra Phán quyết, và cam kết sẽ thi hành Phán quyết đó ngay lập tức và không chậm trễ. Các bên cũng từ bỏ một cách không thể hủy ngang các quyền của mình đối với mọi hình thức kháng nghị, tái

thẩm hoặc kháng cáo đến tòa án Quốc gia hoặc cơ quan tư pháp khác đối với Phán quyết đó trong phạm vi việc từ bỏ đó được thực hiện hợp lệ.

32.12 Với sự nhất trí của các bên và Hội đồng Trọng tài, SIAC có thể xuất bản bất kỳ Phán quyết nào với phần tên của các bên và các thông tin định danh khác được biên tập lại.

### **33. Sửa chữa Phán quyết, Giải thích Phán quyết và Phán quyết Bổ sung**

33.1 Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được Phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và bên còn lại thì có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa chữa những lỗi về tính toán, lỗi in hoặc đánh máy hoặc các lỗi có tính chất tương tự trong Phán quyết. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành sửa chữa các lỗi đó trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Mọi việc sửa lỗi được thực hiện trong Phán quyết ban đầu hoặc trong một bản ghi nhớ riêng sẽ là một phần của Phán quyết.

33.2 Hội đồng Trọng tài có thể chủ động sửa chữa những lỗi thuộc loại nêu tại Quy tắc 33.1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra Phán quyết.

33.3 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và bên còn lại có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết bổ sung đối với các khiếu nại được trình bày trong tố tụng trọng tài nhưng không được xử lý trong Phán quyết. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ ra Phán quyết bổ sung trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

33.4 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết, một bên sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổng Thư ký và bên còn lại có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải thích Phán quyết. Nếu Hội đồng Trọng tài xét thấy yêu cầu đó chính đáng, thì Hội đồng Trọng tài sẽ giải thích bằng văn bản trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu. Nội dung giải thích sẽ là một phần của Phán quyết.

33.5 Nếu cần thiết, Tổng Thư ký có thể gia hạn thời gian để trong thời gian đó Hội đồng Trọng tài thực hiện việc sửa chữa Phán quyết, giải thích Phán quyết hoặc ra Phán quyết Bổ sung theo Quy tắc này.

33.6 Các quy định của Quy tắc 32 sẽ được áp dụng theo cùng cách thức với những thay đổi cần thiết hoặc thích hợp có liên quan tới việc sửa chữa Phán quyết, giải thích Phán quyết và ra Phán quyết bổ sung.

### **34. Phí và Tiền Đặt cọc**

- 34.1 Phí của Hội đồng Trọng tài và phí của SIAC sẽ được xác định theo Biểu Phí hiện hành tại thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài. Các bên có thể thỏa thuận các phương thức thay thế trong việc xác định phí của Hội đồng Trọng tài trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài.
- 34.2 Tổng Thư ký sẽ ấn định các khoản đặt cọc phải nộp đối với các khoản phí trọng tài. Trừ khi Tổng Thư ký có chỉ thị khác, Nguyên đơn sẽ nộp 50% khoản tiền đặt cọc đó và Bị đơn sẽ nộp 50% còn lại của khoản tiền đặt cọc đó. Tổng Thư ký có thể ấn định riêng các khoản đặt cọc tương ứng cho các khoản phí đối với đơn khiếu nại và đơn khiếu nại ngược lại.
- 34.3 Trường hợp số tiền của đơn khiếu nại hoặc đơn khiếu nại ngược lại không thể xác định được tại thời điểm đến hạn thanh toán, Tổng Thư ký sẽ đưa ra một con số ước tính tạm thời của các khoản phí trọng tài. Con số ước tính đó có thể được dựa trên tính chất của tranh chấp và những tình tiết của vụ tranh chấp. Con số ước tính này có thể được điều chỉnh theo các thông tin có thể được cung cấp sau đó.
- 34.4 Tổng Thư ký vào từng thời điểm có thể chỉ thị các bên nộp thêm các khoản tiền đặt cọc đối với các khoản phí trọng tài.
- 34.5 Các bên sẽ chịu trách nhiệm riêng rẽ và liên đới đối với các khoản phí trọng tài. Một bên được phép thanh toán toàn bộ khoản tiền đặt cọc đối với các khoản phí trọng tài nếu bên còn lại không thanh toán phần phải nộp của mình.
- 34.6 Nếu một bên không thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản tiền đặt cọc theo chỉ thị của Tổng Thư ký, thì:
- a. Hội đồng Trọng tài có thể đình chỉ công việc của mình và Tổng Thư ký có thể đình chỉ việc tiến hành tố tụng trọng tài của SIAC một cách toàn bộ hoặc một phần; và
  - b. sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài (nếu đã được thành lập) và sau khi đã thông báo cho các bên, Tổng Thư ký có thể quy định thời hạn mà khi hết thời hạn đó các đơn khiếu nại hoặc đơn khiếu nại ngược lại có liên quan sẽ được xem như được rút lại mà không làm phương hại tới bên đưa đơn khiếu nại hoặc đơn khiếu nại ngược lại đó ra trong một thủ tục tố tụng khác.
- 34.7 Trong mọi trường hợp, Tổng Thư ký sẽ ra quyết định cuối cùng về các khoản phí trọng tài khi kết thúc thủ tục tố tụng. Nếu không xác định được số tiền của đơn

kiếu nại và/hoặc đơn khiếu nại ngược lại, thì Tổng Thư ký sẽ được toàn quyền ra quyết định cuối cùng về các khoản phí trọng tài, như được quy định tại Quy tắc 35. Tổng Thư ký sẽ xem xét mọi tình tiết của vụ tranh chấp, kể cả giai đoạn kết thúc tố tụng trọng tài. Trong trường hợp các khoản phí trọng tài được quyết định thấp hơn các khoản tiền đặt cọc đã nộp, thì tiền đặt cọc sẽ được hoàn lại theo tỷ lệ được các bên thỏa thuận, hoặc nếu không thỏa thuận được, thì theo cùng tỷ lệ khi nộp khoản tiền đặt cọc đó.

- 34.8 Mọi khoản tiền đặt cọc đối với các khoản phí trọng tài sẽ được nộp cho SIAC và được SIAC giữ. Tiền lãi có thể phát sinh trên các khoản tiền đặt cọc đó sẽ được SIAC giữ lại.
- 34.9 Trong các trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký có thể chỉ thị cho các bên thanh toán một khoản phí bổ sung, ngoài các khoản phí đã quy định trong Biểu Phí áp dụng, như là một phần của khoản phí quản lý của SIAC.

### **35. Phí Trọng tài**

- 35.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ quy định cụ thể trong Phán quyết tổng số tiền phí trọng tài. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ xác định trong Phán quyết việc phân bổ khoản phí trọng tài cho các bên.
- 35.2 Cụm từ "phí trọng tài" bao gồm:
- a. các khoản phí và chi phí của Hội đồng Trọng tài và các khoản phí và chi phí của Trọng tài viên Khẩn cấp nếu áp dụng;
  - b. phí và chi phí quản lý của SIAC; và
  - c. phí của chuyên gia do Hội đồng Trọng tài chỉ định và phí cho các công việc trợ giúp khác theo yêu cầu hợp lý của Hội đồng Trọng tài.

### **36. Phí và Chi phí của Hội đồng Trọng tài**

- 36.1 Phí của Hội đồng Trọng tài sẽ do Tổng Thư ký ấn định theo Biểu Phí áp dụng hoặc, nếu có thể, thì theo phương thức được các bên thỏa thuận căn cứ theo Quy tắc 34.1, và theo giai đoạn tố tụng kết thúc trọng tài. Trong trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký có thể quyết định việc một khoản phí bổ sung trên mức phí được quy định trong Biểu Phí áp dụng sẽ được nộp.

36.2 Mọi chi khoản chi tiêu hợp lý của Hội đồng Trọng tài phát sinh một cách cần thiết và các khoản trợ cấp khác sẽ được thanh toán theo Tài liệu Hướng dẫn Thực hiện có liên quan.

### **37. Chi phí Luật sư và Chi phí Khác của một Bên**

Trong Phán quyết của mình Hội đồng Trọng tài sẽ có thẩm quyền yêu cầu một bên thanh toán toàn bộ hoặc một phần chi phí luật sư hoặc chi phí khác của bên kia.

### **38. Miễn trừ Trách nhiệm**

38.1 Một trọng tài viên, kể cả Trọng tài viên Khẩn cấp, một người do Hội đồng Trọng tài chỉ định, bao gồm cả thư ký hành chính và chuyên gia, Chánh Tòa, thành viên của Tòa, các giám đốc, cán bộ và nhân viên của SIAC, sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ người nào về bất kỳ sự bất cẩn, việc hành động hoặc không hành động liên quan tới tổ tụng trọng tài được SIAC quản lý theo bộ Quy tắc này.

38.2 SIAC, kể cả Chánh Tòa, thành viên của Tòa, các giám đốc, cán bộ, nhân viên hoặc trọng tài viên, kể cả Trọng tài viên Khẩn cấp, và một người do Hội đồng Trọng tài chỉ định, bao gồm cả thư ký hành chính và chuyên gia, sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra bất kỳ nội dung trình bày nào có liên quan tới tổ tụng trọng tài được SIAC quản lý theo bộ Quy tắc này. Không bên nào sẽ yêu cầu Chánh Tòa, thành viên của Tòa, giám đốc, cán bộ, nhân viên của SIAC, hoặc trọng tài viên, kể cả Trọng tài viên Khẩn cấp, một người do Hội đồng Trọng tài chỉ định, bao gồm cả thư ký hành chính và chuyên gia, hành động với tư cách người làm chứng trong thủ tục tổ tụng có liên quan tới tổ tụng trọng tài được SIAC quản lý theo bộ Quy tắc này.

### **39. Bảo mật**

39.1 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, một bên và bất kỳ trọng tài viên nào, kể cả Trọng tài viên Khẩn cấp, và một người do Hội đồng Trọng tài chỉ định, bao gồm cả thư ký hành chính và chuyên gia, sẽ luôn bảo mật tất cả các vấn đề liên quan tới thủ tục tổ tụng và Phán quyết. Các cuộc thảo luận và bàn bạc của Hội đồng Trọng tài sẽ là các nội dung bảo mật.

39.2 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, một bên và bất kỳ trọng tài viên nào, kể cả Trọng tài viên Khẩn cấp, và một người do Hội đồng Trọng tài chỉ định, bao gồm cả thư ký hành chính và chuyên gia, khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của các bên, sẽ không tiết lộ bất kỳ vấn đề nào cho một bên thứ ba ngoại trừ:

- a. nhằm mục đích nộp đơn đề nghị lên tòa án có thẩm quyền của một Quốc gia để thi hành hoặc phản đối Phán quyết;

- b. theo lệnh hoặc giấy triệu tập của tòa án có thẩm quyền xét xử;
  - c. nhằm mục đích theo đuổi hoặc thi hành một quyền hoặc yêu cầu hợp pháp;
  - d. tuân thủ các quy định pháp luật của một Quốc gia có hiệu lực ràng buộc đối với bên thực hiện việc tiết lộ hoặc đề nghị hay yêu cầu của một cơ quan quản lý hoặc một cơ quan nhà nước khác;
  - e. theo lệnh của Hội đồng Trọng tài về đơn đề nghị của một bên có thông báo hợp lệ cho các bên khác; hoặc
  - f. nhằm mục đích của một đề nghị theo Quy tắc 7 hoặc Quy tắc 8 của bộ Quy tắc này.
- 39.3 Trong Quy tắc 39.1, "các vấn đề liên quan tới thủ tục tố tụng" bao gồm cả sự tồn tại của thủ tục tố tụng, và bản tranh tụng, bằng chứng và các tài liệu khác trong thủ tục tố tụng trọng tài và tất cả các tài liệu khác mà một bên khác đưa ra trong thủ tục tố tụng hoặc Phán quyết phát sinh từ thủ tục tố tụng, nhưng không bao gồm các vấn đề đã được công chúng biết đến rộng rãi.
- 39.4 Hội đồng Trọng tài có quyền hạn áp dụng các biện pháp thích hợp, kể cả việc ban hành một lệnh hoặc Phán quyết về chế tài hoặc phí tổn nếu một bên vi phạm các quy định của Quy tắc này.

#### **40. Quyết định của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký**

- 40.1 Ngoại trừ khi có quy định trong bộ Quy tắc này, các quyết định của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký đối với các vấn đề có liên quan đến một vụ việc trọng tài sẽ quyết định chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc các bên và Hội đồng Trọng tài. Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký không có nghĩa vụ cung cấp lý lẽ cho những quyết định đó, trừ khi Tòa có quyết định khác hoặc có thể được quy định trong bộ Quy tắc này. Các cuộc thảo luận và bàn bạc của Tòa sẽ là các nội dung bảo mật.
- 40.2 Ngoại trừ trường hợp đối với Quy tắc 16.1 và Quy tắc 28.1, các bên từ bỏ các quyền kháng cáo hoặc tái thẩm đối với bất kỳ quyết định nào của Chánh Tòa, Tòa và Tổng Thư ký lên tòa án Quốc gia hoặc các cơ quan tư pháp khác.

#### **41. Quy định Chung**

- 41.1 Một bên tiến hành tố tụng trọng tài mà không nhanh chóng đưa ra ý kiến phản đối việc không tuân thủ một quy định của bộ Quy tắc này, hoặc của bất kỳ quy



tắc nào khác áp dụng đối với các thủ tục tố tụng, bất kỳ chỉ thị nào của Hội đồng Trọng tài, hoặc bất kỳ yêu cầu nào theo thỏa thuận trọng tài liên quan tới việc thành lập Hội đồng Trọng tài hoặc việc tiến hành các thủ tục tố tụng, thì khi đó bên đó sẽ được xem là đã từ bỏ quyền phản đối của mình.

- 41.2 Đối với các vấn đề không được quy định rõ trong bộ Quy tắc này, thì Chánh Tòa, Tòa, Tổng Thư ký và Hội đồng Trọng tài sẽ hành động trên tinh thần của bộ Quy tắc này và sẽ nỗ lực hợp lý để đảm bảo việc hoàn thành tố tụng trọng tài một cách công bằng, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí và bảo đảm hiệu lực thi hành của Phán quyết.
- 41.3 Trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn hay bất đồng nào giữa bản tiếng Anh của bộ Quy tắc này và bản Quy tắc này được xuất bản bằng bất kỳ ngôn ngữ nào khác, thì bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

## PHỤ LỤC 1

### TRỌNG TÀI VIÊN KHẨN CẤP

1. Một bên mong muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời lên Tổng Thư ký đồng thời với việc nộp hoặc sau khi nộp Thông báo Trọng tài nhưng phải trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài. Cùng lúc với việc nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên đó sẽ phải gửi một bản sao đơn yêu cầu đó cho tất cả các bên khác. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ phải bao gồm các nội dung sau:
  - a. tính chất của biện pháp khẩn cấp tạm thời được yêu cầu áp dụng;
  - b. lý do tại sao bên đó được hưởng áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đó; và
  - c. một bản trình bày xác nhận rằng tất cả các bên còn lại đã nhận được một bản sao của đơn yêu cầu hoặc, nếu không, thì cũng đã nhận được bản giải trình các thủ tục đã được thực hiện một cách thiện chí để cung cấp một bản sao hoặc thông báo cho tất cả các bên còn lại.
2. Một đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ phải kèm theo khoản thanh toán phí quản lý không được hoàn lại và các khoản đặt cọc cần thiết theo bộ Quy tắc này đối với các khoản phí Trọng tài viên Khẩn cấp và các khoản chi phí tiến hành thủ tục tố tụng theo Phụ lục 1 này. Trong các trường hợp phù hợp, Tổng Thư ký có thể tăng số tiền đặt cọc phải nộp của bên đệ đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu khoản tiền đặt cọc bổ sung không được nộp trong thời hạn được quy định bởi Tổng Thư ký, thì đơn yêu cầu đó sẽ được coi là đã được rút lại.
3. Nếu Chánh Tòa quyết định rằng SIAC nên chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng tình trạng khẩn cấp tạm thời, thì Chánh Tòa sẽ tìm cách chỉ định một Trọng tài viên Khẩn cấp trong vòng một ngày kể từ khi Tổng Thư ký nhận được đơn yêu cầu đó và khoản thanh toán phí quản lý và tiền đặt cọc.
4. Nếu các bên nhất trí về địa điểm trọng tài, thì địa điểm đó sẽ là địa điểm tiến hành thủ tục tố tụng để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nếu các bên không đạt được sự nhất trí về địa điểm trọng tài, thì địa điểm tiến hành thủ tục tố tụng để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ là Singapore, mà không làm phương hại tới quyết định của Tổng Thư ký về địa điểm trọng tài theo Quy tắc 21.1.

5. Trước khi chấp nhận việc chỉ định, người được dự kiến là Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ thông báo cho Tổng Thư ký về mọi tình tiết có thể dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về sự không thiên vị hoặc tính độc lập của Trọng tài viên Khẩn cấp đó. Việc phản đối chỉ định Trọng tài viên Khẩn cấp phải được đưa ra trong vòng hai ngày kể từ khi Tổng Thư ký thông báo cho các bên về việc chỉ định Trọng tài viên Khẩn cấp và các tình tiết được tiết lộ.
6. Trọng tài viên Khẩn cấp không được hành động với tư cách là một trọng tài viên trong một vụ tố tụng trọng tài sau này có liên quan tới vụ tranh chấp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
7. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ lên kế hoạch xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thời gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp phải trong vòng hai ngày kể từ khi Trọng tài viên Khẩn cấp đó được chỉ định. Kế hoạch đó sẽ cho các bên cơ hội hợp lý để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp, nhưng kế hoạch đó có thể quy định việc tiến hành tố tụng bằng hội nghị qua điện thoại hoặc qua phương tiện nghe nhìn (video) hoặc dựa trên các tài liệu bằng văn bản được nộp như là phương thức thay thế cho một phiên họp giải quyết vụ tranh chấp có sự tham gia trực tiếp của các bên. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ có các quyền hạn được trao cho Hội đồng Trọng tài theo bộ Quy tắc này, kể cả thẩm quyền quyết định trong phạm vi quyền tài phán riêng của Trọng tài viên Khẩn cấp đó mà không phương hại tới quyết định của Hội đồng Trọng tài.
8. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ có quyền ra lệnh hoặc quyết định một biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Trọng tài viên Khẩn cấp đó thấy cần thiết, kể cả các lệnh sơ bộ có thể được đưa ra trong khi đang diễn ra phiên họp giải quyết tranh chấp, hội nghị qua điện thoại hoặc phương tiện nghe nhìn (video) hay các tài liệu đệ trình bằng văn bản của các bên. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ đưa ra các lý do tổng hợp cho quyết định của mình bằng văn bản. Trọng tài viên Khẩn cấp có thể sửa đổi hoặc hủy bỏ lệnh sơ bộ, lệnh tạm thời hoặc Phán quyết với đầy đủ lý do.
9. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ đưa ra lệnh hoặc Phán quyết tạm thời trong vòng 14 ngày kể từ ngày Trọng tài viên Khẩn cấp đó được chỉ định trừ khi, trong các trường hợp ngoại lệ, Tổng Thư ký sẽ gia hạn thời gian. Sẽ không có bất cứ lệnh hay Phán quyết tạm thời nào được Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra cho tới khi lệnh hay Phán quyết tạm thời đó được Tổng Thư ký phê chuẩn về hình thức của lệnh hay Phán quyết tạm thời đó.
10. Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ không có bất kỳ quyền hạn nào để hành động sau khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Hội đồng Trọng tài có thể xem xét lại, sửa đổi hoặc hủy bỏ lệnh hoặc Phán quyết tạm thời được Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra, kể cả việc ra quyết định trong phạm vi quyền tài phán riêng của Trọng tài viên

Khẩn cấp đó. Hội đồng Trọng tài không bị ràng buộc bởi các lý do được Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra. Trong mọi trường hợp, lệnh hoặc Phán quyết tạm thời của Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ không còn hiệu lực ràng buộc nếu Hội đồng Trọng tài không được thành lập trong vòng 90 ngày kể ngày ra lệnh hoặc Phán quyết đó hoặc khi Hội đồng Trọng tài đưa ra Phán quyết cuối cùng hoặc nếu đơn khiếu nại được rút lại.

11. Một lệnh hoặc Phán quyết tạm thời do Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra có thể phụ thuộc vào việc bên yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời đó cung cấp bảo đảm thích hợp.
12. Các bên nhất trí rằng một lệnh hoặc Phán quyết do một Trọng tài viên Khẩn cấp đưa ra theo Phụ lục 1 này sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên kể từ ngày lệnh hoặc Phán quyết đó được đưa ra, và các bên cam kết sẽ thực hiện lệnh hoặc Phán quyết tạm thời ngay lập tức và không trì hoãn. Các bên cũng từ bỏ một cách không thể hủy ngang các quyền của mình đối với bất kỳ hình thức kháng nghị, tái thẩm hoặc kháng cáo lên bất kỳ tòa Quốc gia hoặc một cơ quan tư pháp nào khác đối với Phán quyết đó trong chừng mực việc từ bỏ đó có thể được thực hiện hợp lệ.
13. Các khoản phí tổn có liên quan tới đơn yêu cầu theo Phụ lục 1 này ban đầu có thể được Trọng tài viên Khẩn cấp phân chia, tùy thuộc vào quyền hạn của Hội đồng Trọng tài trong việc đưa ra quyết định cuối cùng về việc phân chia các khoản phí tổn đó.
14. Bộ Quy tắc này sẽ được áp dụng cho thủ tục tố tụng theo Phụ lục 1 này khi thích hợp, có xét tới tính cấp thiết của thủ tục tố tụng đó. Trọng tài viên Khẩn cấp có thể quyết định phương thức thích hợp cho việc áp dụng bộ Quy tắc này, và quyết định của Trọng tài viên Khẩn cấp về các vấn đề đó là quyết định cuối cùng và không bị kháng nghị, tái thẩm hoặc kháng cáo. Tổng Thư ký có thể rút ngắn các thời hạn theo bộ Quy tắc này trong khi thực hiện áp dụng theo các thủ tục tố tụng được bắt đầu theo Quy tắc 30.2 và Phụ lục 1.

**BIỂU PHÍ**  
**(Mọi khoản tiền được tính đồng Đô-la Singapore)**

Biểu Phí này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2016 và được áp dụng đối với mọi vụ tố tụng trọng tài bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 8 năm 2016.

**PHÍ NỘP HỒ SƠ (Không hoàn lại)**

Các bên Singapore	2.140 S\$*
Các bên nước ngoài	2.000 S\$

+ Phí nộp đơn khiếu nại áp dụng đối với tất cả các vụ tố tụng trọng tài do SIAC quản lý, và đối với từng đơn khiếu nại hoặc đơn khiếu nại ngược lại.

\* Phí đã bao gồm 7% Thuế HH&DV (Thuế Hàng hóa và Dịch vụ - GST)

**PHÍ QUẢN LÝ**

Phí quản lý được tính theo Biểu phí dưới đây áp dụng cho tất cả các vụ việc trọng tài do SIAC quản lý và là mức phí cao nhất phải trả cho SIAC.

Trị giá Vụ tranh chấp (Đô-la Singapore)	Phí Quản lý (Đô-la Singapore)
Đến 50.000	3.800
Từ 50.001 đến 100.000	3.800 + 2,200% của khoản tiền vượt quá 50.000
Từ 100.001 đến 500.000	4.900 + 1,200% của khoản tiền vượt quá 100.000
Từ 500.001 đến 1.000.000	9.700 + 1,000% của khoản tiền vượt quá 500.000
Từ 1.000.001 đến 2.000.000	14.700 + 0,650% của khoản tiền vượt quá 1.000.000
Từ 2.000.001 đến 5.000.000	21.200 + 0,320% của khoản tiền vượt quá 2.000.000
Từ 5.000.001 đến 10.000.000	30.800 + 0,160% của khoản tiền vượt quá 5.000.000
Từ 10.000.001 đến 50.000.000	38.800 + 0,095% của khoản tiền vượt quá 10.000.000
Từ 50.000.001 đến 80.000.000	76.800 + 0,040% của khoản tiền vượt quá 50.000.000
Từ 80.000.001 đến 100.000.000	88.800 + 0,031% của khoản tiền vượt quá 80.000.000
Trên 100.000.000	95.000

Phí quản lý không bao gồm các khoản tiền sau:

- Phí và các chi phí của Hội đồng Trọng tài;
- Phí sử dụng các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ cho và liên quan đến phiên họp xét xử tranh chấp (ví dụ như phòng xét xử và các trang thiết bị, dịch vụ tốc ký và dịch vụ phiên dịch,...); và
- Các khoản chi phí quản lý của SIAC

SIAC sẽ tính khoản phí quản lý tối thiểu là 3.800 S\$, phải trả trong mọi trường hợp, trừ khi Tổng Thư ký có quyết định khác.

**PHÍ TRỌNG TÀI VIÊN**

Đối với các vụ việc tố tụng trọng tài được tiến hành căn cứ theo và được quản lý theo bộ Quy tắc này, khoản phí được tính theo Biểu phí dưới đây là số tiền tối đa phải trả cho mỗi trọng tài viên, trừ khi các bên thỏa thuận một phương thức thay thế trong việc xác định phí của Hội đồng Trọng tài theo Quy tắc 34.1.

Trị giá Vụ tranh chấp (Đô-la Singapore)	Phí Trọng Tài Viên (Đô-la Singapore)
Đến 50.000	6.250
Từ 50.001 đến 100.000	6.250 + 13,800% của khoản tiền vượt quá 50.000
Từ 100.001 đến 500.000	13.150 + 6,500% của khoản tiền vượt quá 100.000
Từ 500.001 đến 1.000.000	39.150 + 4,850% của khoản tiền vượt quá 500.000
Từ 1.000.001 đến 2.000.000	63.400 + 2,750% của khoản tiền vượt quá 1.000.000
Từ 2.000.001 đến 5.000.000	90.900 + 1,200% của khoản tiền vượt quá 2.000.000
Từ 5.000.001 đến 10.000.000	126.900 + 0,700% của khoản tiền vượt quá 5.000.000
Từ 10.000.001 đến 50.000.000	161.900 + 0,300% của khoản tiền vượt quá 10.000.000
Từ 50.000.001 đến 80.000.000	281.900 + 0,160% của khoản tiền vượt quá 50.000.000
Từ 80.000.001 đến 100.000.000	329.900 + 0,075% của khoản tiền vượt quá 80.000.000
Từ 100.000.001 đến 500.000.000	344.900 + 0,065% của khoản tiền vượt quá 100.000.000
Trên 500.000.000	605.000 + 0,040% của khoản tiền vượt quá 500.000.000 Mức phí cao nhất là 2.000.000

#### **PHÍ ĐỐI VỚI YÊU CẦU ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI**

Những khoản phí sau đây sẽ phải thanh toán khi có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quy tắc 30.2 và Phụ lục 1 của bộ Quy tắc này:

Đơn yêu cầu theo Quy tắc 30.2 và Phụ lục 1 phải được kèm theo việc thanh toán các khoản phí sau đây:

##### **1. Phí Quản lý đối với Yêu cầu Trọng tài viên Khẩn cấp (Không hoàn lại):**

Các Bên Singapore	5.350 Đô-la Singapore*
Các Bên Nước Ngoài	5.000 Đô-la Singapore

\* Phí đã bao gồm 7% thuế HH&DV (Thuế Hàng hóa và Dịch vụ - GST).

- 2. Phí Trọng tài viên Khẩn cấp và Tiền Đặt cọc:** Các khoản tiền đặt cọc đối với các khoản phí và chi phí Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ được ấn định là 30.000 S\$, trừ khi Tổng Thư ký có quyết định khác theo Phụ lục 1 của bộ Quy tắc này. Phí Trọng tài viên Khẩn cấp sẽ được ấn định là 25.000S\$, trừ khi Tổng Thư ký có quyết định khác theo Phụ lục 1 của bộ Quy tắc này.

#### **PHÍ PHẢN ĐỐI (Không hoàn lại)**

Một bên nộp thông báo phản đối sẽ phải thanh toán khoản phí phản đối sau đây theo Quy tắc 15.3:

Các Bên Singapore	8.560 S\$*
Các Bên Nước ngoài	8.000S\$

\* *Phí đã bao gồm 7% thuế HH&DV (Thuế Hàng hóa và Dịch vụ - GST).*

## CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

### Phí Trọng tài-Hòa giải-Trọng tài

<b>Trọng tài</b>		2.000 S\$
<b>Trọng tài-Hòa giải-Trọng tài</b>	<b>Các bên Singapore</b>	SIAC 2.140 S\$* + SIMC 1.000 S\$ = 3.140 S\$
	<b>Các bên Nước ngoài</b>	SIAC 2.000 S\$ + SIMC 1.000 S\$ = 3.000 S\$

\* Phí SIAC đã bao gồm 7% Thuế HH&DV (Thuế Hàng hóa và Dịch vụ - GST).

### Phí Chỉ định (Không hoàn lại)

Phí chỉ định phải nộp trong trường hợp yêu cầu chỉ định (các) trọng tài viên được đưa ra trong một vụ đặc biệt. Khoản phí này do bên yêu cầu chỉ định thanh toán. Yêu cầu chỉ định phải được thanh toán theo các mức phí quy định dưới đây:

	<b>1 trọng tài viên</b>	<b>2 trọng tài viên</b>	<b>3 trọng tài viên</b>
<b>Các bên Singapore</b>	3.210 S\$*	4.280 S\$*	5.350 S\$*
<b>Các bên Nước ngoài</b>	3.000 S\$	4.000 S\$	5.000 S\$

\* Phí SIAC đã bao gồm 7% Thuế HH&DV.

### Phí Ấn định hoặc Định mức

Khi kết thúc tố tụng trọng tài, hoặc sau khi một vấn đề đã được quyết định trong quá trình tố tụng trọng tài, trọng tài viên thường đề nghị chi phí pháp lý (hoặc một phần của chi phí pháp lý) mà một bên phải chi trả phải được bên còn lại thanh toán. Trọng tài viên thường ấn định số tiền của khoản chi phí phải thanh toán.

SIAC thường muốn trọng tài viên làm như vậy. Tuy nhiên nếu trọng tài viên không làm như vậy, và các bên không thể thỏa thuận được về số tiền phải thanh toán, thì Tổng Thư ký của SIAC có thể được yêu cầu ấn định số tiền phải thanh toán cho các bên. Quy trình này thường được gọi là “định mức” chi phí. Bên yêu cầu Tổng Thư ký ấn định số tiền phải thanh toán sẽ thanh toán một khoản phí tùy theo mức chi phí được khiếu nại.

<b>Trị giá Vụ tranh chấp (Đô-la Singapore)</b>	<b>Phí Quản lý (Đô-la Singapore)</b>
Đến 50.000	5.000
Từ 50.001 đến 100.000	5.000 + 2% của khoản tiền vượt quá 50.000
Từ 100.001 đến 250.000	6.000 + 1,5% của khoản tiền vượt quá 100.000
Từ 250.001 đến 500.000	8.250 + 1% của khoản tiền vượt quá 250.000
Từ 500.001 đến 1.000.000	10.750 + 0,5% của khoản tiền vượt quá 500.000
Trên 1.000.000	13.250 + 0,25% của khoản tiền vượt quá 1.000.000
Tối đa	25.000

- Phí phải nộp tại thời điểm đưa ra yêu cầu định mức chi phí pháp lý phải thanh toán.
- Mức phí nêu trên chưa bao gồm 7% Thuế HH&DV (Thuế Hàng hóa và Dịch vụ - GST) có thể được áp dụng.
- Biểu phí ấn định hoặc định mức trên đây có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2015.



## **ĐIỀU KHOẢN MẪU CỦA SIAC**

(Đã được sửa đổi ngày 1 tháng 9 năm 2015)

*Khi giao kết các hợp đồng quốc tế, chúng tôi đề xuất các bên đưa điều khoản trọng tài sau đây vào hợp đồng:*

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan tới hợp đồng này, bao gồm cả bất kỳ vấn đề nào về sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc việc chấm dứt của hợp đồng này, đều phải được đưa ra giải quyết chung thẩm bằng tổ tụng trọng tài do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“SIAC”) điều hành theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“Bộ Quy tắc SIAC”) đang có hiệu lực tại thời điểm đó, Bộ Quy tắc SIAC được xem là một phần không tách rời của điều khoản này.

Địa điểm tổ tụng trọng tài sẽ là [Singapore].\*

Hội đồng Trọng tài sẽ gồm \_\_\_\_\_ \*\* trọng tài viên.

Ngôn ngữ tổ tụng trọng tài sẽ là \_\_\_\_\_.

---

## **ĐIỀU KHOẢN LUẬT ÁP DỤNG**

*Các bên cũng nên đưa vào hợp đồng một điều khoản về luật áp dụng. Chúng tôi đề xuất nội dung điều khoản này như sau:*

Hợp đồng này được điều chỉnh theo luật của \_\_\_\_\_.

---

\* *Các bên cần nêu rõ địa điểm tổ tụng trọng tài theo sự lựa chọn của các bên. Nếu các bên mong muốn lựa chọn một địa điểm thay thế cho Singapore, thì thay “[Singaporre]” bằng tên thành phố và quốc gia mà các bên lựa chọn (ví dụ, “[Thành phố, Quốc gia]”).*

\*\* *Ghi một con số lẻ. Hoặc là ghi một, hoặc là ghi ba.*

\*\*\* *Ghi rõ tên quốc gia hoặc phạm vi có thẩm quyền tài phán.*

## **ĐIỀU KHOẢN MẪU VỀ THỦ TỤC KHẨN TRƯỞNG**

(Đã được sửa đổi ngày 1 tháng 9 năm 2015)

*Khi giao kết các hợp đồng quốc tế, chúng tôi đề xuất các bên đưa điều khoản trọng tài sau đây vào hợp đồng:*

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan tới hợp đồng này, bao gồm cả bất kỳ vấn đề nào về sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc việc chấm dứt của hợp đồng này, đều phải được đưa ra giải quyết chung thẩm bằng tố tụng trọng tài do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“SIAC”) điều hành theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“Bộ Quy tắc SIAC”) đang có hiệu lực tại thời điểm đó, Bộ Quy tắc SIAC được xem là một phần không tách rời của điều khoản này.

Các bên nhất trí rằng bất kỳ vụ tố tụng trọng tài nào được bắt đầu theo điều khoản này đều sẽ phải được tiến hành theo Thủ tục Khẩn trương nêu tại Quy tắc 5.2 của Bộ Quy tắc SIAC.

Địa điểm tố tụng trọng tài sẽ là [Singapore].\*

Hội đồng Trọng tài sẽ gồm một trọng tài viên.

Ngôn ngữ tố tụng trọng tài sẽ là \_\_\_\_\_.

Xem đề xuất về Điều khoản Luật Áp dụng ở trang trước.

---

\* Các bên cần nêu rõ địa điểm tố tụng trọng tài theo sự lựa chọn của các bên. Nếu các bên mong muốn lựa chọn một địa điểm thay thế cho Singapore, thì thay “[Singaporre]” bằng tên thành phố và quốc gia mà các bên lựa chọn (ví dụ, “[Thành phố, Quốc gia]”).

## **NGHỊ ĐỊNH THƯ TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI – TRỌNG TÀI SIAC – SIMC (“NGHỊ ĐỊNH THƯ AMA”)**

(Đã được sửa đổi ngày 5 tháng 11 năm 2014)

1. Nghị định thư AMA này sẽ áp dụng đối với tất cả các vụ tranh chấp được đệ trình lên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“SIAC”) để giải quyết theo Điều khoản Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài Singapore hoặc điều khoản tương tự khác (“Điều khoản AMA”) và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào được các bên nhất trí đệ trình giải quyết theo Nghị định thư AMA này. Theo Nghị định thư AMA, các bên nhất trí rằng bất kỳ tranh chấp nào được giải quyết bằng hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore (“SIMC”) đều sẽ phải thuộc phạm vi thỏa thuận trọng tài giữa các bên.
2. Nếu một bên mong muốn bắt đầu một vụ tố tụng trọng tài theo Điều khoản AMA thì bên đó sẽ phải gửi cho Tổng Thư ký SIAC một thông báo trọng tài theo quy tắc trọng tài áp dụng đối với các thủ tục tố tụng trọng tài (“Quy tắc Trọng tài”), các Quy tắc Trọng tài đó sẽ phải là: (i) Quy tắc Trọng tài của SIAC (được sửa đổi tại từng thời điểm); hoặc (ii) Quy tắc Trọng tài UNCITRAL (được sửa đổi tại từng thời điểm) nếu các bên nhất trí rằng SIAC sẽ điều hành vụ tố tụng trọng tài đó.
3. Tổng Thư ký SIAC sẽ thông báo cho SIMC về việc tố tụng trọng tài được bắt đầu theo Điều khoản AMA trong vòng 4 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu tố tụng trọng tài, hoặc trong vòng 4 ngày làm việc kể từ khi các bên nhất trí đưa tranh chấp ra hòa giải theo Nghị định thư AMA. SIAC sẽ gửi cho SIMC một bản sao thông báo trọng tài.
4. SIAC sẽ lập ra Hội đồng Trọng tài theo Quy tắc Trọng tài và/hoặc thỏa thuận trọng tài giữa các bên.
5. Sau khi trao đổi Thông báo Trọng tài và Bản Trả lời Thông báo Trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ phải dừng việc tố tụng trọng tài lại và thông báo cho Tổng Thư ký của SIAC rằng vụ việc có thể được đệ trình lên hòa giải tại SIMC. Tổng Thư ký của SIAC sẽ gửi cho SIMC hồ sơ vụ việc cùng toàn bộ các tài liệu mà các bên đã nộp để tiến hành hòa giải tại SIMC.  
  
Ngay khi SIMC nhận được hồ sơ vụ việc, SIMC sẽ thông báo cho Tổng Thư ký của SIAC về ngày bắt đầu hòa giải tại SIMC (“Ngày Bắt đầu Hòa giải”) theo Quy tắc Hòa giải của SIMC. Toàn bộ các bước sau đó trong tố tụng trọng tài sẽ được dừng lại để chờ kết quả hòa giải tại SIMC.
6. Việc hòa giải tiến hành dưới sự bảo trợ của SIMC sẽ được hoàn thành trong thời gian 8 tuần kể từ Ngày Bắt đầu Hòa giải, trừ khi, Tổng Thư ký của SIAC gia hạn thời gian đó sau khi đã thảo luận với SIMC. Để tính bất kỳ khoảng thời gian nào trong thủ tục tố tụng trọng tài, thì khoảng thời gian đó sẽ ngừng vào Ngày Bắt đầu Hòa giải và tiếp tục được tính ngay khi có thông báo của Tổng Thư ký của SIAC gửi cho Hội đồng Trọng tài về việc chấm dứt thủ tục hòa giải.
7. Tại thời điểm chấm dứt thời gian 8 tuần (trừ khi được gia hạn bởi Tổng Thư ký của SIAC) hoặc trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết được một

phần hay toàn bộ bằng hòa giải tại bất kỳ thời điểm nào trước khi kết thúc thời hạn 8 tuần, SIMC sẽ thông báo ngay cho Tổng Thư ký của SIAC về kết quả hòa giải, nếu có.

8. Trường hợp tranh chấp không giải quyết được một phần hay toàn bộ bằng hòa giải, thì Tổng Thư ký của SIAC sẽ thông báo cho Hội đồng Trọng tài về việc thủ tục tố tụng trọng tài sẽ tiếp tục. Ngay vào ngày Tổng Thư ký thông báo cho Hội đồng Trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài về vụ tranh chấp đó hoặc phần còn lại của vụ tranh chấp đó (tùy theo trường hợp cụ thể) sẽ tiếp tục theo Quy tắc Trọng tài.
9. Trường hợp giải quyết được tranh chấp bằng hòa giải giữa các bên, SIMC sẽ phải thông báo cho Tổng Thư ký của SIAC về việc hòa giải thành. Nếu các bên yêu cầu Hội đồng Trọng tài ghi nhận việc hòa giải thành giữa các bên theo mẫu một quyết định công nhận sự thỏa thuận, thì các bên hoặc Tổng Thư ký của SIAC sẽ phải chuyển thỏa thuận hòa giải thành lên Hội đồng Trọng tài và Hội đồng Trọng tài có thể ra một quyết định công nhận sự thỏa thuận theo các điều khoản được các bên thỏa thuận.

### **Các Vấn đề về Tài chính**

10. Các bên sẽ phải thanh toán cho SIAC một khoản phí nộp đơn kiện không được hoàn lại như được nêu tại Phụ lục B của Bộ Quy tắc Hòa giải SIMC cho mọi vụ kiện theo Nghị định thư AMA này.
11. Trường hợp vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết theo Điều khoản AMA và nếu các bên nhất trí xin giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư AMA trước khi bắt đầu thủ tục tố tụng trọng tài, thì khoản phí nộp đơn kiện sẽ phải trả cho SIAC ngay khi nộp thông báo trọng tài. Mặt khác, phần phí nộp đơn kiện chưa được thanh toán cho thủ tục hòa giải sẽ phải trả cho SIAC ngay khi đệ trình vụ việc lên hòa giải tại SIMC.
12. Các bên cũng sẽ phải thanh toán cho SIAC, ngay khi được yêu cầu, một khoản tạm ứng chi phí tố tụng trọng tài ước tính (“Tạm ứng Phí Trọng tài”) cũng như các khoản phí quản lý và chi phí hòa giải (“Tạm ứng Phí Hòa giải”) theo Biểu Phí tương ứng của SIAC và SIMC (gọi chung là các khoản “Đặt cọc”). Mức tiền Đặt cọc sẽ được Tổng Thư ký của SIAC xác định sau khi đã bàn bạc với SIMC.
13. Trường hợp vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết theo Điều khoản AMA và nếu các bên nhất trí xin giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư AMA trước khi bắt đầu thủ tục tố tụng trọng tài, thì khoản Tạm ứng Phí Hòa giải sẽ phải được trả cùng với khoản Tạm ứng Phí trọng tài theo đề nghị của SIAC. Mặt khác, khoản Tạm ứng Phí Hòa giải sẽ phải trả ngay khi đệ trình vụ việc lên hòa giải tại SIMC.
14. Không làm phương hại tới Bộ Quy tắc Trọng tài, một bên được phép thanh toán các khoản tiền Đặt cọc của bên còn lại nếu bên còn lại không thanh toán phần phải nộp của mình. Tổng Thư ký của SIAC sẽ phải thông báo cho SIMC nếu các khoản Đặt cọc vẫn chưa được thanh toán toàn bộ hoặc một phần.

15. SIAC được phép thanh toán khoản Tạm ứng Phí Hòa giải cho SIMC bằng tiền từ các khoản Đặt cọc hoặc khoản Tạm ứng Phí Trọng tài do SIAC nắm giữ mà không cần phải hỏi ý kiến của các bên.

## ĐIỀU KHOẢN TRỌNG TÀI – HÒA GIẢI – TRỌNG TÀI SINGAPORE

(Đã được sửa đổi ngày 1 tháng 9 năm 2015)

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan tới hợp đồng này, bao gồm cả bất kỳ vấn đề nào về sự tồn tại, tính hiệu lực hoặc việc chấm dứt của hợp đồng này, đều phải được đưa ra giải quyết chung thẩm bằng tố tụng trọng tài do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“SIAC”) điều hành theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“Bộ Quy tắc SIAC”) đang có hiệu lực tại thời điểm đó, Bộ Quy tắc SIAC được xem là một phần không tách rời của điều khoản này.

Địa điểm tố tụng trọng tài sẽ là [Singapore].\*

Hội đồng Trọng tài sẽ gồm \_\_\_\_\_ \*\* trọng tài viên.

Ngôn ngữ tố tụng trọng tài sẽ là \_\_\_\_\_.

Các bên còn nhất trí thêm rằng sau khi bắt đầu tố tụng trọng tài, các bên sẽ nỗ lực thiện chí để giải quyết Tranh chấp bằng hòa giải tại Trung tâm Hòa giải Quốc tế Singapore (“SIMC”), theo Nghị định thư Trọng tài – Hòa giải – Trọng tài SIAC-SIMC đang có hiệu lực tại thời điểm đó. Bất kỳ vụ việc hòa giải thành nào đều sẽ phải được chuyển lên hội đồng trọng tài do SIAC chỉ định và Hội đồng Trọng tài có thể ra một quyết định công nhận sự thỏa thuận theo các điều khoản đã thỏa thuận.

---

\* Các bên cần nêu rõ địa điểm tố tụng trọng tài theo sự lựa chọn của các bên. Nếu các bên mong muốn lựa chọn một địa điểm thay thế cho Singapore, thì thay “[Singaporre]” bằng tên thành phố và quốc gia mà các bên lựa chọn (ví dụ, “[Thành phố, Quốc gia]”).

\*\* Ghi một con số lẻ. Hoặc là ghi một, hoặc là ghi ba.

## THÔNG TIN THANH TOÁN

1. Các khoản thanh toán có thể được thực hiện bằng séc trong nước được trả cho “**Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore**”. Tất cả các tấm séc cần được gửi trực tiếp tới:

Singapore International Arbitration Centre  
32 Maxwell Road  
#02-01  
Singapore 069115  
Attn: Accounts Department

2. Các khoản thanh toán cũng có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng tới tài khoản ngân hàng của chúng tôi (**xin vui lòng chịu phí ngân hàng**). Thông tin chi tiết tài khoản ngân hàng của chúng tôi như sau:

Tên Tài khoản:	Singapore International Arbitration Centre
Tên Ngân hàng:	United Overseas Bank Limited
Chi nhánh Ngân hàng:	Coleman Branch
Địa chỉ Ngân hàng:	1 Coleman Street, #01-14 & B1-19, The Adelphi, Singapore 179803
Số Tài khoản:	302-313-540-8
Mã Swift:	UOVBSGSG

Để dễ xác nhận khoản tiền chuyển khoản, đề nghị các bên ghi rõ các thông tin chi tiết sau đây vào lệnh chuyển tiền “Số Tham chiếu Vụ việc – Nguyên đơn / Bị đơn”. Để giúp chúng tôi kiểm tra việc nhận các khoản tiền đặt cọc, đề nghị các bên gửi cho chúng tôi một bản sao báo cáo chuyển tiền ngay khi tiền được chuyển khoản. Xin vui lòng lưu ý rằng chủ trương của SIAC là nhận các khoản thanh toán từ đương sự hoặc đại diện theo ủy quyền của đương sự (ví dụ luật sư của đương sự).

Các bên cần kiểm tra với SIAC để biết các thông tin tài khoản ngân hàng mới nhất trước khi thực hiện bất kỳ lệnh chuyển khoản ngân hàng nào. Đối với các khoản thanh toán bằng các đồng tiền khác ngoài đồng Đô-la Singapore, các bên cũng cần phải kiểm tra với SIAC về việc này.